









BECAMEX IJC

Kiến tạo không ngừng

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI 004

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐHĐCĐ 006

BÁO CÁO CỦA HĐQT 012

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC 018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT 032

QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG HĐQT & BKS 038

CÁC TỜ TRÌNH 050

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT NĂM 2013 084

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2014 136

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

THỜI GIAN	NỘI DUNG	Phụ trách
8h30 – 9h00	**I. Thủ tục khai mạc**	
	✳ **Tiếp đón đăng ký cổ đông**	BTC
9h00 – 9h10	✳ **Khai mạc Đại hội**	
	- Tuyên bố lý do – Giới thiệu thành phần tham dự	MC
	- Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông	BKS
9h10 – 9h20	✳ **Giới thiệu và biểu quyết thông qua**	HĐQT
	- Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2014	
	- Thành phần Chủ tọa đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu	
	- Quy chế làm việc ĐHĐCĐ	
9h20 – 9h45	**II. Báo cáo hoạt động của HĐQT, TGĐ, BKS tại Đại hội**	
	1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013	HĐQT
	2. Báo cáo của TGĐ về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 và kế hoạch kinh doanh năm 2014.	TGĐ
	3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2013	Trưởng BKS
9h45 – 10h10	**III. Thông qua quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT và BKS** ▪ Thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS ▪ Công bố sơ yếu lý lịch ứng viên HĐQT, BKS ▪ Tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, BKS	HĐQT
10h10 – 10h30	**Đại hội thảo luận các nội dung Báo cáo HĐQT, Báo cáo Tổng giám đốc, Báo cáo Ban kiểm soát**	
10h30 – 10h45	**IV. Thông qua và biểu quyết các tờ trình:** ▪ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013, Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban kiểm soát và Phân phối lợi nhuận năm 2013 ▪ Báo cáo của Tổng giám đốc về kế hoạch kinh doanh năm 2014 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2014 ▪ Chi trả thù lao HĐQT, BKS và thư ký Công ty năm 2013 và Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2014 ▪ Uỷ quyền lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2014 và soát xét BCTC bán niên năm 2014 ▪ Phê chuẩn việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị ▪ Sửa đổi , bổ sung điều lệ của Công ty ▪ Và các nội dung khác (nếu có)	HĐQT
10h45-11h00	**V. Công bố kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS**	
11h00 – 11h15	**VI. Thủ tục kết thúc Đại hội**	
	- Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014	Thư ký

Bình Dương, ngày 10 tháng 4 năm 2014

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN HÙNG


CURTIS
Stocks
Exchange

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐHĐCĐ

Dự thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày tháng 4 năm 2014

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Mục tiêu của Quy chế:

Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Các cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông (sau đây gọi tắt là Cổ đông) khi vào hội trường tham dự Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.

2. Cổ đông có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc đại hội. Trong trường hợp cổ đông nào vì lý do cá nhân phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có tổng số cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

III. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội, riêng việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS sẽ thực hiện theo quy chế Bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS. Việc biểu quyết trực tiếp tại Đại hội, mỗi cổ đông được cấp một thẻ biểu quyết, trong đó ghi họ tên cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.

2. Cách biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hoặc có ý kiến khác) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

Khi biểu quyết thông qua một vấn đề được đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban kiểm phiếu biểu quyết sẽ đánh dấu Mã số cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý.

Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông không đồng ý hoặc có ý kiến khác sẽ lần lượt giơ thẻ biểu quyết.

3. Thể lệ biểu quyết:

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận

Đối với quyết định về các vấn đề quy định sau đây chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông: (i) sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; (ii) loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; (iii) Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; (iv) giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Cổ đông tham dự Đại hội có ý kiến thảo luận, phải tiến hành đăng ký phát biểu theo mẫu Phiếu đặt câu hỏi của Ban Tổ chức. Mẫu Phiếu đặt câu hỏi được phát cho từng cổ đông ngay vào ngày khai mạc Đại hội (khi làm thủ tục tham dự Đại hội), cổ đông nộp Phiếu đặt câu hỏi tại Bàn Thư ký trước giờ Đại hội tiến hành thảo luận 15 phút, Chủ tọa đại hội sẽ sắp xếp ưu tiên cho các cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, các ý kiến phát sinh sau trong quá trình tiến hành Đại hội sẽ được Chủ toạ đại hội ghi nhận, nếu đủ thời gian thì sẽ được giải đáp tại đại hội, nếu không đủ thời gian thì sẽ được giải đáp trực tiếp bằng văn bản gửi kèm báo cáo kết quả Đại hội đến địa chỉ đăng ký của cổ đông.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ toạ Đại hội có quyền nhắc nhở cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu hoặc dừng ngay lời phát biểu nếu nội dung phát biểu không theo đúng chương trình nội dung nghị sự của Đại hội để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Chủ toạ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả những người dự họp
Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
5. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.
6. Thư ký đại hội sẽ thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước khi bế mạc đại hội. Thay vì Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua biên bản trước khi bế mạc đại hội, theo dự kiến của Ban tổ chức chúng tôi xin phép Đại hội được thông qua Nghị quyết trước khi bế mạc đại hội

VI. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Được sử dụng máy ghi âm để hoàn chỉnh Biên bản một cách đầy đủ và trung thực theo trình tự diễn biến của cuộc họp ĐHĐCĐ.
3. Soạn thảo Biên bản họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
4. Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản sẽ được hoàn chỉnh một cách trung thực và đầy đủ theo diễn biến Đại hội, là cơ sở để Thư ký tổng hợp Báo cáo kết quả Đại hội thông báo đến từng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

VII. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ sau:

1. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến dự họp; giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, Giấy mời họp, Giấy uỷ quyền (đối với người được uỷ quyền);
2. Phát cho cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến dự họp: Phiếu xác nhận đăng ký tham dự Đại hội, phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS,Thẻ biểu quyết, phiếu đặt câu hỏi và các tài liệu họp khác (nếu có).
3.Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ.

VIII. HIỆU LỰC THI HÀNH

1.Quy chế này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Cổ đông và những người tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.



BÁO CÁO CỦA HĐQT

Kính thưa quý cổ đông,

Năm 2013, nền kinh tế thế giới vẫn chưa phát triển ổn định và bền vững. Trong nước, tình hình kinh tế tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức và tăng trưởng chậm, GDP tăng 5,42% so với cùng kỳ năm 2012 và lạm phát đạt 6,04%, thị trường bất động sản có những khó khăn lớn, giao dịch trầm lắng, tồn kho bất động sản cao, nợ xấu chưa được giải quyết như mong muốn. Điều này đã gây ảnh hưởng không ít đến các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh bất động sản nói chung và của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật nói riêng.

Trong bối cảnh khó khăn chung, HĐQT Công ty đã chỉ đạo quyết liệt Ban Tổng giám đốc thực hiện tích cực các giải pháp chủ động khắc phục khó khăn để từng bước ổn định và phát triển hoạt động kinh doanh. Kết quả đạt được trong năm vừa qua thể hiện sự nỗ lực cố gắng rất lớn của cả tập thể HĐQT và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty.



I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2013

1. Tình hình hoạt động của Công ty

1.1 Về kế hoạch kinh doanh:

Tổng doanh thu hợp nhất của Công ty đạt 651 tỷ đồng tăng 4,43% so với cùng kỳ và đạt 73,36% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 161,5 tỷ đồng giảm 13% so với cùng kỳ và đạt 75,13% so với kế hoạch, lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 589 tỷ đồng và dự kiến thực hiện chi trả cổ tức 6%/vốn điều lệ đúng với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013 đề ra.



1.2 Thực hiện tốt công tác quản trị Công ty

Xác định công tác quản trị Công ty tốt sẽ giúp thu hút đầu tư tốt, giảm chi phí đầu tư cũng như tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh. Để thực hiện điều này, trong năm các thành viên HĐQT, BKS tham gia các khoá đào tạo về quản trị Công ty, xây dựng và ban hành quy chế Quản trị Công ty nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật, thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Công ty. Mặc dù HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc nhưng HĐQT đã thực hiện việc phân công công việc cho từng thành viên chịu trách nhiệm và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình cụ thể như: chính sách và chiến lược phát triển, tài chính, nhân sự…giúp HĐQT xây dựng những định hướng mang tính quyết định cho hoạt động của Công ty.

1.3 Thực hiện công tác cắt giảm chi phí, giảm đầu tư và tăng cường quản lý rủi ro

Cắt giảm chi phí và giảm đầu tư trong tình hình kinh doanh bất động sản còn khó khăn là mục tiêu hàng đầu của HĐQT chỉ đạo Ban Tổng giám đốc phải thực hiện kết quả thực hiện năm 2013 là: chi đầu tư trong năm đạt 68% và tổng chi phí giảm 5% so với kế hoạch năm đề ra

Việc ban hành quy chế quản trị công ty và bộ quy chế quản lý nội bộ là một trong những giải pháp để kiểm soát và quản lý rủi ro. Trên cơ sở đó, HĐQT có thể giám sát hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy chế và quy định của pháp luật.

1.4 Tự hào là doanh nghiệp có hoạt động công bố thông tin tốt nhất

IJC tự hào được các cổ đông và nhà đầu tư đánh giá cao về hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR).Trong các năm qua, Công ty thường xuyên đón tiếp các nhà đầu tư là cổ đông hiện hữu cùng với những nhà đầu tư tiềm năng đến và tìm hiểu cơ hội đầu tư tại Công ty và vinh dự hai năm liền được Vietstock cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp niêm yết có hoạt động quan hệ nhà đầu tư tốt nhất năm 2012 và 2013

2. Các cuộc họp và quyết định của HĐQT:

Trong năm HĐQT đã tổ chức thành công 5 phiên họp định kỳ các thành viên HĐQT đều tham dự đầy đủ tập trung giải quyết một số vấn đề: chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2013; thực hiện phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT; chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đất nền khu VSIP mở rộng; chấp thuận đầu tư dự án IJC_Vĩnh Tân, Prince Town; ban hành quy chế về quản trị công ty, thông qua chủ trương phát hành trái phiếu công ty. Ngoài ra, HĐQT đã tổ chức 2 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản chỉ đạo thực hiện một số vấn đề như: lựa chọn công ty kiểm toán, vay vốn và thông qua việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc phát hành trái phiếu công ty trị giá 1.000 tỷ đồng.

3. Công tác hỗ trợ và giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động kinh doanh cụ thể:

Giám sát Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty; việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Các cuộc họp HĐQT trong năm, Tổng giám đốc và các thành viên được mời tham dự và báo cáo, đồng thời được thông báo đầy đủ các thông tin về nội dung cuộc họp để đảm bảo Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định.

Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý cùng quyết tâm đoàn kết thực hiện chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2013, thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong năm, HĐQT không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.

4. Thù lao và chi phí

Năm 2012, tổng thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS và Thư ký Công ty nhận được trong năm 2013 là: 550.000.000 đồng bằng 0,3% mức lợi nhuận sau thuế được Đại hội cổ đông năm 2013 thông qua. Trong đó thù lao và chi phí chi trả cho HĐQT là: 366.000.000 đồng.



II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

Đặt mục tiêu doanh thu là 1.312 tỷ đồng tăng trưởng 109% và lợi nhuận sau thuế là 306 tỷ đồng tăng 90% so với năm 2013, dự kiến mức cổ tức chi trả năm 2014 là 8%/VĐL là kết quả cần nhiều sự nỗ lực của tập thể HĐQT và Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên. Trên cơ sở đó, HĐQT định hướng một số giải pháp để thực hiện mục tiêu đề ra cụ thể là:

* Phát triển ổn định và bền vững đối với hoạt động thu phí giao thông, tiếp tục tham gia quản lý và khai thác các tuyến đường trọng điểm trên địa bàn tỉnh
* Tìm hiểu và tận dụng các cơ hội thị trường để mở rộng đầu tư vào các dự án trọng điểm, có tiềm năng cao, tăng cả về số lượng và chất lượng cho các dự án do IJC làm chủ đầu tư.
* Phấn đấu trở thành đơn vị kinh doanh bất động sản chuyên nghiệp, uy tín và có tầm ảnh hưởng.
* Từng bước tiếp tục khai thác có hiệu quả mảng kinh doanh bất động sản thương mại và dịch vụ hướng đến việc tiếp quản các dự án lớn tại Tp.mới Bình Dương
* Xác định mảng kinh doanh khách sạn và du lịch là lĩnh vực mũi nhọn ghi nhận doanh thu cho công ty trong những năm tiếp theo.
* Tăng cường, đẩy mạnh công tác quan hệ nhà đầu tư nhằm tạo hình ảnh phát triển ổn định và bền vững.
* Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, phát triển đội ngũ quản lý, gắn trách nhiệm của nhân viên với lợi ích công việc

Kính thưa quý cổ đông,

Mặc dù kinh tế năm 2014 được dự đoán là chưa có dấu hiệu hồi phục. Mục tiêu kế hoạch năm 2014 là trọng trách của cả HĐQT và Ban Tổng giám đốc trước Đại hội đồng cổ đông. Tôi tin tưởng rằng, với những định hướng chiến lược và truyền thống đoàn kết, sáng tạo cùng tâm huyết vượt khó của tập thể HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật cùng niềm tin gắn bó của quý cổ đông. Chúng tôi cam kết sẽ cùng nhau phấn đầu hoành thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó, xây dựng hình ảnh Công ty ngày một phát triển và góp phần đưa Công ty hướng đến phát triển ổn định và bền vững trong thời gian tới. Cuối cùng tôi xin chúc toàn thể quý vị cổ đông cùng tập thể CBNV Công ty sức khoẻ và thành đạt.

Trân trọng,

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN HÙNG



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa quý cổ đông,

Năm 2013 là một năm thực sự rất khó khăn cho nền kinh tế Việt Nam, tăng trưởng kinh tế vẫn theo đà suy giảm, nợ xấu chưa được cải thiện, tình hình sản xuất tiếp tục đình đốn, tiêu dùng giảm sút rõ rệt… Mặc dù chính phủ rất nỗ lực để làm ấm thị trường bất động sản nhưng hiệu quả chưa đạt, tính thanh khoản của thị trường bất động sản vẫn chưa được cải thiện.

Trong bối cảnh khó khăn chung, Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật đã nỗ lực xây dựng các giải pháp kế hoạch, đề ra nhiều chiến lược kinh doanh và thực hiện chỉ đạo của HĐQT cụ thể như: cắt giảm chi phí, giảm đầu tư, thực hiện tốt công tác quản trị Công ty. Tổng kết về kết quả hoạt động trong năm 2013 cũng như kế hoạch hoạt động trong năm 2014 như sau:



I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2013

1. Thuận lợi và khó khăn

1.1 Khó khăn:

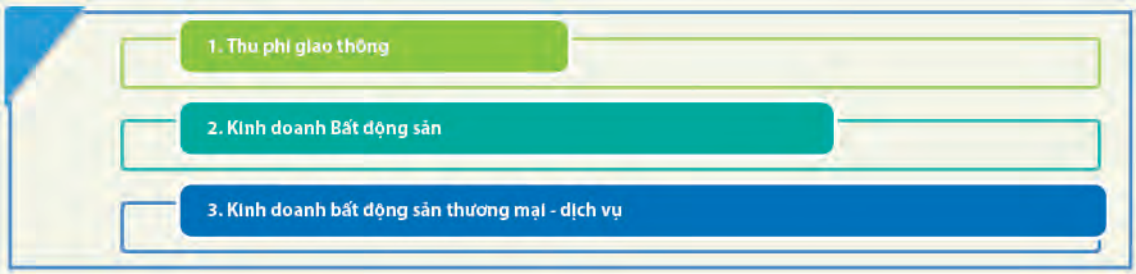
Do tác động của tình hình suy thoái kinh tế chung, các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty cũng bị ảnh hưởng và không đạt kế hoạch năm, đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Các dự án BĐS do công ty làm chủ đầu tư đa phần thuộc nhóm các dự án có giá trị phân khúc cao nên khó đưa vào kinh doanh trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động thu phí cũng do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế lưu lượng xe qua trạm cũng giảm so với các năm trước.



1.2 Thuận lợi:

Sự đoàn kết hỗ trợ vượt khó của toàn thể cán bộ nhân viên, hàng loạt các giải pháp và kế hoạch cụ thể được Ban Tổng giám đốc đề xuất đã được tập thể HĐQT Công ty, những thành viên có tinh thần trách nhiệm cao đã kịp thời hỗ trợ để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm và góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động quản lý điều hành.

Năm 2013, Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực:



2. Các chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động kinh doanh trong năm so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Kế hoạch (1)	Thực hiện (2)	Tỷ lệ (%) (2)/(1)
Tổng doanh thu	895	651	74%
Lợi nhuận trước thuế	264	185	70%
Lợi nhuận sau thuế	216	161	75%
Cổ tức	Từ 6%/VĐL trở lên	6%/VĐL	



Tổng doanh thu trong năm Công ty đạt *651 tỷ đồng* tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2012 và *bằng 74% kế hoạch*

Lợi nhuận trước thuế đạt *185 tỷ đồng, giảm 17%* so với cùng kỳ năm 2012 và bằng 70% kế hoạch

Lợi nhuận sau thuế đạt *161 tỷ đồng, giảm 12%* so với cùng kỳ năm 2012 và *bằng 75% so với kế hoạch*

3. Đánh giá cụ thể về từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh :

3.1 Hoạt động thu phí giao thông:



Tiếp tục khai thác và quản lý thu phí tại 2 trạm thu phí trên địa bàn tỉnh Dương. Trong năm ngoài công tác đảm bảo nguồn thu theo kế hoạch, Công ty không ngừng chú trọng đến công tác đảm bảo an toàn giao thông và công tác duy trì mỹ quan tuyến đường. Kết quả của hoạt động của lĩnh vực này trong năm:

Lưu lượng xe lưu thông qua trạm trong năm 2013 là 14.200.000 lượt xe bằng 98% so với kế hoạch đề ra . Nguyên nhân, lưu lượng xe lưu thông qua trạm giảm là do tình hình kinh tế khó khăn và các phương tiện giao thông chọn hướng lưu thông trên các tuyến đường đấu nối của tỉnh. Doanh thu của hoạt động này trong năm đạt 195 tỷ bằng 93% kế hoạch đề ra, lợi nhuận trước thuế và sau thuế đạt 125 tỷ và 109 tỷ bằng 90% và 89% so với kế hoạch đề ra.

3.2 Hoạt động kinh doanh và môi giới bất động sản:

Hoạt động của lĩnh vực này trong năm được xem là đem lại nguồn thu chính cho công ty trong việc thực hiện kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra. Trong năm, tình hình kinh doanh các dự án của Công ty như sau:

Dự án tổ hợp IJC Aroma (Block A,B)& Shop :

Toạ lạc tại thành phố mới Bình Dương, dự án có diện tích 2,1 ha. Dự án tổ hợp IJC Aroma (Block A,B)& Shop đầu tư giai đoạn 1 gồm 288 căn. Số lượng căn hộ đã bán tính đến 2013 là 279 căn.

Doanh thu ghi nhận trong năm 2013 là : 17,3 tỷ đồng.





Dự án Biệt thự cao cấp Sunflower - Thành phố Mới Bình Dương (7,3ha)

Quy mô dự án là 99 căn biệt thự, đã xây dựng: 38 căn. Số lượng đã bán tính đến năm 2013 là 9 căn.

Doanh thu ghi nhận trong năm 2013: 56,4 tỷ đồng.

Dự án Khu đô thị IJC – Đông Đô Đại Phố (26,6ha)

Quy mô dự án gồm: 1.149 căn, đã xây dựng 83 căn. Số lượng đã bán tính đến năm 2013 là 85 căn.

Doanh thu ghi nhận trong năm 2013: 117 tỷ đồng





Dự án Prince Town (2,2ha)

Đây là dự án được chuyển đổi phương thức đầu tư từ hợp tác kinh doanh sang chủ đầu tư 100% vốn do IJC theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 13/09/2014. Dự án có diện tích: 2,2 ha, quy mô dự án gồm 129 căn nhà phố, đã xây dựng: 45 căn. Số lượng đã bán tính đến năm 2013 là 62 căn.

Doanh thu ghi nhận trong năm đạt 139,7 tỷ đồng

Dự án Khu nhà phố và biệt thự The Green River (60ha)

Quy mô dự án gồm 2.945 căn, đã xây dựng 2 căn. Số lượng đã bán tính đến năm 2013: 2.763 căn.

Doanh thu trong năm đạt 13,7 tỷ đồng.



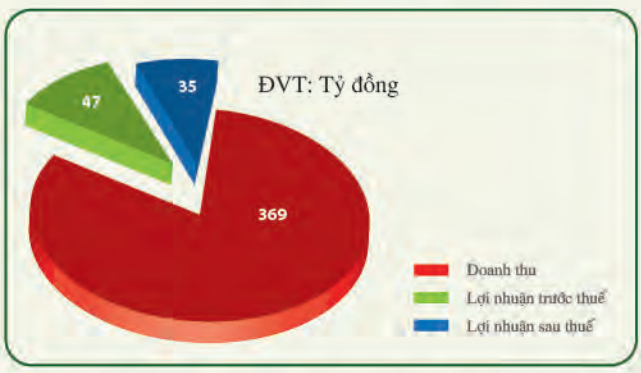


Dự án Khu dân cư IJC – Vĩnh Tân (38ha)

Quy mô dự án là 99 căn biệt thự, đã xây dựng: 38 căn. Số lượng đã bán tính đến năm 2013 là 9 căn.

Doanh thu ghi nhận trong năm 2013: 56,4 tỷ đồng.

Kết quả hoạt động kinh doanh bất động sản trong năm 2013:



Doanh thu của hoạt động kinh doanh và môi giới bất động sản đạt 369 tỷ đồng giảm 31% so với cùng kỳ năm 2012 và đạt 58% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế đạt 47 và 35 tỷ đồng giảm 55% và 56% so với cùng kỳ năm 2012 và đạt 51% và 50% so với kế hoạch năm

Là hoạt động kinh doanh chủ đạo góp phần thực hiện kết quả kinh doanh do đại hội đồng cổ đông, nguyên nhân tình hình kinh doanh bất động sản không đạt kế hoạch là do:

Tình hình thị trường bất động sản tiếp tục đóng băng, công tác bán hàng các dự án gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với phân khúc giá trị cao.

Các dự án có giá trị thấp, thanh toán trong ngắn hạn như IJC – Vĩnh Tân chỉ được triển khai bán hàng từ tháng 09/2013. Do mới chỉ triển khai trong thời gian ngắn và gặp thời điểm thị trường trì trệ nên doanh thu không đạt như kỳ vọng.

3.3 Hoạt động kinh doanh bất động sản thương mại – dịch vụ:

Doanh thu ghi nhận cho hoạt động này tại IJC bao gồm các lĩnh vực: Cho thuê mặt bằng tại Trung tâm thương mại Becamex Tower; cho thuê khách sạn và siêu thị Imart. Trong năm doanh thu của hoạt động này đạt 21,13 tỷ đồng bằng 88% so với kế hoạch đề ra.

4. Tình hình tài chính hợp nhất của Công ty:

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Tổng tài sản	4.612.706.227.011 đồng	4.807.856.278.975 đồng
Vốn chủ sở hữu	3.016.189.867.469 đồng	3.007.698.813.245 đồng
Nợ phải trả	1.596.516.359.515 đồng	1.800.157.465.730 đồng
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,00	2,51
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	0,41	0,35
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	34,61%	37,44%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	52,93%	59,85%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	0,11	0,14
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,14	0,13
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	30,28%	26,26%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,14%	5,37%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,02%	3,36%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	36,82%	30,38%

Hiệu quả sử dụng tài sản:

Năm 2013 vòng quay tổng tài sản là 0,13 cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản còn thấp nhưng do công ty mới thay đổi cấu trúc vốn và phát hành một lượng rất lớn cổ phiếu vào năm 2011 nên tốc độ tăng doanh thu và lợi nhuận sẽ không thể theo kịp tốc độ tăng trưởng của tài sản, vốn chủ sở hữu. Đây là áp lực rất lớn đối với ban lãnh đạo về tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông.

Nợ phải thu:

Khoản phải thu của công ty liên quan đến rất nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu là thấp. Bên cạnh đó công ty thành lập tổ thu hồi công nợ thường xuyên đôn đốc nhắc nhở thu hồi công nợ tăng tính thanh khoản về tài chính cho công ty.

Tình hình nợ phải trả

Tỷ số nợ năm 2012 là 34,61% , năm 2013 là 37,44% cho thấy mặc dù tỷ số nợ tăng nhẹ so với năm 2012 nhưng khả năng độc lập về tài chính của IJC hiện nay rất cao, khả năng tự tài trợ lên đến 62,56%. Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính thấp, ít rủi ro tài chính. Các khoản nợ được đảm bảo chi trả bằng nguồn vốn CSH.

5. Các giải thưởng đạt được trong năm:



IJC được công nhận đạt thương hiệu uy tín năm 2013 do Viện Doanh nghiệp Việt Nam cấp giấy chứng nhận.



IJC được Vietstock công nhận là 1 trong 29 doanh nghiệp Niêm yết có hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR) tốt nhất của Việt Nam



IJC đứng thứ 113/1000 Doanh nghiệp nộp thuế TNDN lớn nhất Việt Nam năm 2013

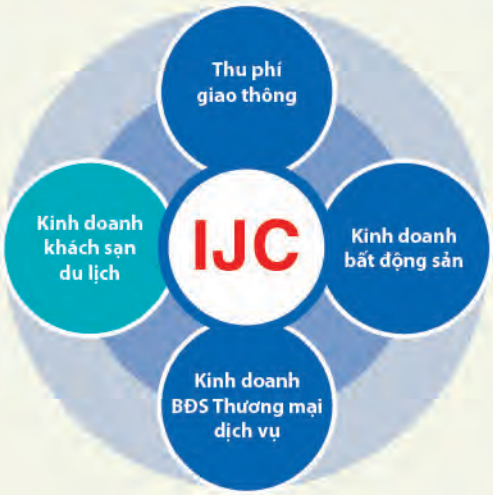
Ngoài ra IJC còn được xếp hạng 160/500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2013

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014

1. Nhận định chung:

Năm 2014, nền kinh tế Việt Nam được nhìn nhận vẫn còn đối diện với nhiều khó khăn thách thức, tuy nhiên cũng đã có những yếu tố lạc quan như: sự phục hồi rõ rệt của các nền kinh tế lớn trên thế giới, khả năng thu hút vốn đầu tư FDI của Việt Nam khởi sắc, lòng tin của các nhà đầu tư đã được củng cố. Tại Bình Dương, ngay từ đầu năm đã có những bước khởi đầu mạnh mẽ, hứa hẹn nhiều cho sự phát triển kinh tế xã hội. Các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của công ty chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ những yếu tố này, đặc biệt lĩnh vực kinh doanh bất động sản, sẽ có nhiều hứa hẹn lạc quan. Để có thể đạt được những mục tiêu đề ra, công ty sẽ phải thay đổi các chính sách bán hàng một cách mạnh mẽ như: phương thức bán hàng, tiến độ thanh toán, chính sách giá …

Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty năm 2014:



Bên cạnh ba lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty. Năm 2014, Công ty sẽ có thêm lĩnh vực hoạt động mới đó là Kinh doanh khách sạn và du lịch, đây là lĩnh vực hứa hẹn nhiều tiềm năng mang lại nguồn thu cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2014 và các năm tiếp theo.

2.Kế hoạch hoạt động của Công ty trong năm:

- Tiếp tục phát huy lợi thế của hoạt động thu phí giao thông, thực hiện chức năng là đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý và thu phí cho Becamex IDC đối với tuyến đường Mỹ Phước – Tân Vạn thời gian dự kiến thực hiện quý 3 năm 2014, và chuẩn bị kế hoạch tiến hành khảo sát để triển khai các hoạt động tương tự tại một số tuyến đường nối Thủ Dầu Một – Tân Uyên.

- Triển khai khởi công xây dựng trung tâm thương mại với quy mô là 20.426 m2 sàn kinh doanh tại dự án Khu đô thị IJC – Thành phố Mới BD (Đông Đô Đại Phố)

- Đưa vào hoạt động siêu thị Imart thứ 2 tại khu căn hộ IJC Aroma – TP Mới Bình Dương trong quý 2

- Lập kế hoạch xây dựng khu thương mại – dịch vụ tại VSIP II để cung cấp các dịch vụ cho khu vực này và cho dự án IJC – Vĩnh Tân (IJC@VSIP).

- Quản lý và vận hành khai thác khách sạn tại TP Mới Bình Dương, dự kiến đi vào hoạt động vào quý 4 năm 2014. Đây là dự án khách sạn có vốn đầu tư 461 tỷ đồng gồm 146 phòng tiêu chuẩn 5 sao, tọa lạc tại khu phức hợp Trung tâm Hành chính tập trung.

- Hướng tới xây dựng mô hình các dự án bất động sản gắn với phát triển thương mại – dịch vụ sẽ được công ty triển khai tại các dự án của Tổng Công ty Becamex IDC hoặc Công ty Liên doanh TNHH KCN Việt Nam – Singapore (VSIP) khi các công ty này đầu tư các dự án phát triển công nghiệp tại các tỉnh thành khác.

2.1 Kế hoạch kinh doanh năm 2014:

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2013 (1)	KẾ HOẠCH NĂM 2014 (2)	% THỰC HIỆN (2)/(1)
Doanh thu bán hàng & dịch vụ	**628**	**1.312**	**209%**
Trong đó:			
▪ Thu phí	195	197	101%
▪ Kinh doanh BĐS	369	1.089	295%
▪ Bất động sản TM - DV	21	27	127%
▪ Hoạt động KD khác	43		
Lợi nhuận trước thuế	**185**	**386**	**209%**
Lợi nhuận sau thuế	**161**	**306**	**190%**
Tỷ lệ chi trả cổ tức	**6%/VĐL**	**8%/VĐL**	

Kế hoạch kinh doanh năm 2014 Công ty đặt ra doanh thu tăng 109 % so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông dự kiến đạt 197 tỷ đồng, không tăng so với năm 2013 là do Công ty dự đoán lưu lượng xe lưu thông qua trạm bằng với cùng kỳ năm 2013. Hoạt động kinh doanh bất động sản là hoạt động chính tạo doanh thu cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2014, dự kiến doanh thu của hoạt động này là 1.089 tỷ đồng tăng 195% so với năm 2013, dự kiến doanh thu được ghi nhận từ các dự án công ty đã và đang triển khai.

Căn cứ Công ty lập kế hoạch kinh doanh bất động sản năm 2014 tăng mạnh so với cùng kỳ được dựa trên các nhận định chung như: hoạt động kinh doanh bất động sản đã có những tín hiệu khởi sắc, tình hình kinh tế - xã hội tại các khu vực mà các dự án bất động sản của công ty tọa lạc đều có những chuyển biến tích cực, tạo đà phát triển cho các dự án bất động sản tại các khu vực này. Tại khu vực Thành phố Mới Bình Dương, sự kiện khánh thành và đi vào hoạt động của Trung tâm Hành chính tập trung đã tạo cú hích cho sự phát triển của thị trường bất động sản nơi đây, góp phần củng cố niềm tin của các nhà đầu tư. Các quyết định chuyển đổi từ huyện thành thị xã tại các khu vực lân cận như Bến Cát, Tân Uyên … đã góp phần thúc đẩy tiến trình đô thị hóa nhanh hơn tại các địa phương này. Các động thái này cùng với khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài đã góp phần làm ấm lại thị trường bất động sản tại Bình Dương.

2.2 Kế hoạch đầu tư xây dựng

a. Đối với hoạt động thu phí giao thông

- Lắp dải phân cách tim đường trên QL13 (10,5km) tại các đoạn: km30+800 đến km32+500; km34+800 đến km43+600

- Thí điểm lắp dải phân cách giữa làn xe ô tô với làn xe môtô và xe thô sơ trên QL13 đoạn km58+0 đến km62+00 (khu vực xã Lai Uyên); km10+00 đến km11+00 (cổng KCN Viêt Nam - Singapore đến cổng KCN Việt Hương).

- Thảm nhựa bù lún các đoạn đọng nước cục bộ dọc tuyến, sơn lại vạch phân làn xe bị mờ. Ngân sách chi xây dựng cho hoạt động thu phí là 20 tỷ đồng.

b. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản:

Để phục vụ công tác bán hàng, làm gia tăng giá trị của các dự án. Năm 2014, Công ty dự kiến vốn đầu tư xây dựng cho các dự án là 82 tỷ đồng gồm có:

ĐVT: (tỷ đồng)

1	**Khu đô thị IJC**	4
2	**Prince Town mở rộng**	39
3	**Sunflower**	16
4	**Sunflower mở rộng**	17.5
5	**IJC - Vĩnh Tân**	4
6	**IJC Aroma**	1.5

3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch:

Để thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm 2014, Công ty đề ra các giải pháp sau:

3.1 Đối với hoạt động thu phí:

Tăng cường nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao trình độ quản lý của cán bộ nhân viên, chú trọng công tác kiểm tra giám sát nhằm tránh thất thu cho hoạt động thu phí

3.2 Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án trọng điểm để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bán hàng.

Kịp thời nhận định đúng tình hình kinh tế vĩ mô để công tác đầu tư kinh doanh đạt hiệu quả cao.
Xây dựng mạng lưới phân phối giữa công ty và các sàn của công ty tại các thành phố lớn.
Xây dựng chính sách ưu đãi để gắn kết các nhà đầu tư kinh doanh dịch vụ và các thành phần kinh tế khác cùng phát triển nhằm làm tăng giá trị bất động sản của dự án.

3.3 Hoạt động đầu tư bất động sản thương mại – dịch vụ, khách sạn:

Cơ cấu và sắp xếp lại các khách hàng đang thuê mặt bằng tại Trung tâm thương mại Becamex để hoạt động của trung tâm ngày một hiệu quả hơn. Mở rộng đầu tư và sớm đưa vào khai thác các trung tâm thương mại tại các vị trí chiến lược tại Thành phố mới Bình Dương.
Phát triển và hình thành chuỗi siêu thị Imart tại các địa bàn trọng điểm mà công ty đang triển khai dự án.

Nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn nhằm cung cấp các dịch vụ với tiêu chuẩn cao cho các nhà đầu tư và khách du lịch khi đến Bình Dương. Chuẩn bị đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm và đã được đào tạo tốt để tham gia quản lý và vận hành khách sạn Becamex tại TP Mới Bình Dương.

Hoạt động đầu tư bất động sản thương mại - dịch vụ ngoài việc tạo ra lợi nhuận trực tiếp còn góp phần làm gia tăng giá trị và tăng tính thanh khoản cho các dự án bất động sản mà công ty đầu tư. Sự tác động qua lại giữa phát triển thương mại – dịch vụ và kinh doanh bất động sản sẽ làm quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh hơn và bền vững hơn, thương mại – dịch vụ phát triển kéo theo sự phát triển của các dự án bất động sản, còn các dự án bất động sản phát triển sẽ làm cho hoạt động thương mại – dịch vụ sầm uất và sôi động hơn. Sự tiên phong triển khai các hoạt động thương mại – dịch vụ của công ty tại TP Mới Bình Dương sẽ tạo ra những cơ hội kinh doanh cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước khác, chắc chắn sẽ làm tăng sức sống cho các dự án. Sự cộng hưởng này sẽ khẳng định chắc chắn sự phát triển mạnh mẽ của TP Mới BD và sự lớn mạnh không ngừng của các doanh nghiệp đầu tư tại nơi này.

Trân trọng kính chào,

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3700805566 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP. THỦ DẦU MỘT T. BÌNH DƯƠNG

ĐỖ QUANG NGÔN



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

I - HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2013:

1. Các cuộc họp và các nghị quyết đã ban hành:

Ngày	Phiên họp	Nội dung	Nghị quyết đã thông qua
19/07/2013	Lần 1	Đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên, triển khai kế hoạch kiểm soát, phân công nhiệm vụ từng thành viên	Thông qua kết quả đánh giá hoạt động của từng thành viên, thông qua kế hoạch kiểm soát 6 tháng đầu năm tỷ lệ tán thành 100%
27/03/2014	Lần 2	Đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên và thông qua báo cáo kiểm soát năm 2013	Thống nhất thông qua kết quả hoạt động và báo cáo kiểm soát năm 2013, tỷ lệ tán thành 100%

2. Các công việc đã thực hiện:

2.1 Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị

2.2 Tiến hành kiểm tra giám sát các mặt hoạt động như sau:

- Kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra giám sát việc tổ chức điều hành của Ban Tổng giám đốc.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính quý, năm của Công ty và báo cáo kiểm toán.
- Xem xét báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo của Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông

2.3 Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát: theo quy định

2.4 Thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2012 được thanh toán trong năm 2013: 143.478.260 đồng.

Trong đó:

Trưởng ban	63.768.116 đồng
Thành viên mỗi người	39.855.072 đồng

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức trách và nhiệm vụ của mình cụ thể: Triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Hội đồng quản trị đã tiến hành 5 phiên họp định kỳ và 2 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, với số lượng thành viên tham gia đầy đủ. Các thành viên đã thảo luận đóng góp xây dựng các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tiền lương trên cơ sở

chiến lược kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Hội đồng quản trị đã thông qua việc bổ sung sữa đổi điều lệ công ty, quy chế quản trị Công ty, sửa đổi quy chế quản lý tài chính và thông qua phương án phát hành trái phiếu để trình Đại hội cổ đông, các phương án kinh doanh và thay đổi phương thức đầu tư đối với dự án Prince Town.

Trong các phiên họp, Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết đúng với chức năng và quyền hạn của Hội đồng quản trị và có nội dung phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các văn bản pháp luật quy định.

Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ việc tổ chức điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý; giám sát việc công bố thông tin đảm bảo tính minh bạch.

Hội đồng quản trị đã đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2013, xây dựng chỉ tiêu kế hoạch năm 2014, thống nhất phương án phân phối lợi nhuận và kế hoạch đại hội cổ đông năm 2014.

Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị cụ thể là:

Ban Tổng giám đốc đã tiến hành xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn và ngắn hạn phù hợp với kế hoạch kinh doanh, sửa đổi các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức lao động, định mức chi phí theo hướng tinh giảm đệ trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Ban Tổng giám đốc triển khai tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được thông qua trong Đại hội đồng cổ đông năm 2013.

Tổ chức thực hiện tốt quy chế quản trị Công ty và quy chế quản lý tài chính giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm quản lý tốt ở các khâu công việc.

Công tác nhân sự tiếp tục sắp xếp theo hướng tinh giảm, chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ nhân viên nhằm tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với giấy phép kinh doanh và đúng luật.

Thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh đạt kết quả như sau:

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2013:

ĐVT: (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2013 (1)	Thực hiện 2013 (2)	% so sánh	
			(2)/(1)	(2)/Năm 2012
Tổng doanh thu	895	651	73,36%	104,43%
Lợi nhuận trước thuế	264	185,6	70,58%	81,85%
Lợi nhuận sau thuế	216	161,5	75,13%	87,15%
Lãi cơ bản/cp (đồng)	784	589	75,12%	87,13%
Lãi cổ tức	6%	6%	100%	100%

3. Đánh giá hoạt động của các cán bộ quản lý trong công ty.

Các phòng ban trong công ty đã có sự phối hợp chặt chẽ trong việc điều hành hoạt động chuyên môn. Thực hiện tốt quy chế phối hợp góp phần thúc đẩy công tác chuyên môn, đáp ứng yêu cầu quản lý công ty.

Ban thư ký công ty đã phối hợp với các phòng ban chức năng hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình cụ thể là:

- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu nội dung chương trình các cuộc họp Hội đồng quản trị và đại hội cổ đông, cung cấp đầy đủ cho các thành viên tham dự họp.
- Lập biên bản và nghị quyết các cuộc họp Hội đồng quản trị và đại hội cổ đông đầy đủ.
- Tổ chức lưu trữ hồ sơ pháp lý, các quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các biên bản, nghị quyết, báo cáo tài chính quý, năm và các báo cáo công bố thông tin đầy đủ đúng quy định.
- Cung cấp kịp thời biên bản nghị quyết cho các thành viên HĐQT và BKS.

4. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2013:

Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện kiểm tra báo cáo tài chính trên các phương diện về tính tuân thủ, tính chính xác trung thực và hợp lý của số liệu phản ánh trong báo cáo tài chính. Dựa trên cơ sở báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Ban kiểm soát thống nhất số liệu báo cáo về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật mà Hội đồng quản trị đã trình trước Đại hội đồng cổ đông. Các báo cáo trên đã phản ảnh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của Công ty trong năm 2013, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.



5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban liên quan

Trong năm qua Ban kiểm soát được sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng như các phòng ban Công ty và Ban Thư ký tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin tài liệu và các nghị quyết cũng như các báo cáo một cách kịp thời. Các cuộc họp Hội đồng quản trị Ban kiểm soát đều được mời tham dự đầy đủ. Các ý kiến đóng góp và kiến nghị của Ban kiểm soát đều được ghi nhận và thực hiện. Ban kiểm soát thường xuyên thông báo qua lại với cổ đông lớn và công ty về những vấn đề liên quan phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

III. KẾT LUẬN:

Năm 2013 tình hình kinh doanh của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Mặc dù Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực tìm những giải pháp ứng phó kịp thời những chỉ tiêu doanh thu lợi nhuận chưa đạt kế hoạch đã được thông qua trong Đại hội đồng cổ đông năm 2013. Tuy nhiên với tỷ lệ chia cổ tức trong năm 2013 dự kiến là 6% đã thể hiện được sự cố gắng của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cùng tập thể cán bộ nhân viên công ty trong năm vừa qua.

Năm 2014 tình hình kinh tế của cả nước và thế giới theo nhận định của các chuyên gia kinh tế "vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro", hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật sẽ có nhiều khó khăn hơn, nhưng chúng ta tin tưởng rằng Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty sẽ có chiến lược và giải pháp thích hợp để triển khai hoàn thành kế hoạch mà Đại hội cổ đông sẽ thông qua.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban kiểm soát kính trình Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CP PT HTKT
TM BAN KIỂM SOÁT

DƯƠNG THỊ HỒNG TỴ



QUY CHẾ BẦU CỬ
BỔ SUNG HĐQT & BKS

Dự thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày tháng 4 năm 2014

QUY CHẾ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 11 thông qua ngày 29/11/2005;*
- *Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 11 thông qua ngày 29/06/2006;*
- *Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật*

Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT") và thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") Công ty Cổ phần phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (" Công ty") nhiệm kỳ II năm 2012 – 2017 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 được thực hiện như sau:

Điều 1: Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử:

1.1 Nguyên tắc bầu cử:

a. Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ và phù hợp với Quy chế này nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông

b. Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín

1.2 Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày 17/03/2014) có mặt tại ĐHĐCĐ

Điều 2: Số lượng, tiêu chuẩn thành viên HĐQT bầu bổ sung:

2.1 Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung là : 02 thành viên

2.2 Điều kiện trở thành thành viên HĐQT:

a. Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện:

- Là người có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; và
- Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc người khác không phải là cổ đông của Công ty nhưng có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty

Điều 3: Bầu thành viên BKS:

3.1 Số lượng thành viên BKS được bầu bổ sung là: 01 thành viên

3.2 Điều kiện trở thành thành viên BKS:

a. Thành viên BKS phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện:

- Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp
- Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

Điều 4: Quyền đề cử làm thành viên HĐQT, BKS:

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau sao cho trên 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì được đề cử các ứng cử viên làm thành viên HĐQT, BKS. Cụ thể như sau:
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- Trường hợp số lượng ứng viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do HĐQT hoặc BKS hoặc các cổ đông khác đề cử. Cơ chế đề cử phải được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 5: Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên vào HĐQT, BKS:

5.1 Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT hoặc BKS theo mẫu
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu) ;
- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử sở hữu liên tục trong 6 tháng gần nhất hoặc giấy tờ tương đương của Công ty Chứng khoán nơi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm lưu ký Việt Nam (tính đến ngày 17/03/2014 - ngày chốt danh sách cổ đông để tham dự Đại hội đồng cổ đông thường năm 2014 của Công ty);
- Bản sao Chứng minh nhân dân/hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;
- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);

5.2 Hồ sơ tham gia ứng cử/ đề cử phải được gửi về Ban tổ chức Đại hội của Công ty trước 16h, ngày 17/04/2014 theo địa chỉ:

Ban Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên
Địa chỉ: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Số 230 Đại lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.TDM, Bình Dương

- Ngoài phong bì cần ghi rõ " Hồ sơ ứng cử / đề cử vào HĐQT,BKS"

Đối với các trường hợp đề cử/ ứng cử tại Đại hội thì cổ đông/nhóm cổ đông đề cử/ứng cử phải cung cấp ngay hồ sơ đề cử/ứng cử cho Chủ tọa để được xem xét.

5.3 Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử/ứng cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT/BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội

Đính kèm quy chế là phụ lục I
- Mẫu 1: Mẫu đơn ứng cử thành viên HĐQT/BKS;
- Mẫu 2: Mẫu đơn đề cử ứng viên HĐQT/BKS;
- Mẫu 3: Sơ yếu lý lịch

Điều 6: Phương thức bầu cử:

6.1 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với số thành viên được bầu bổ sung của HĐQT và BKS.

6.2 Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc chỉ bầu một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần phiếu bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

a. Số lượng bầu thành viên HĐQT bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 nhiệm kỳ II (2012 – 2017) là 02 (hai) thành viên, theo đó tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông bằng tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với 02 (hai)

b. Số lượng bầu thành viên BKS bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 nhiệm kỳ II (2012 – 2017) là 01 (một) thành viên, theo đó tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông bằng tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với 01 (một)

c. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu)

Ví dụ:
- Cổ đông A sở hữu 1000 cổ phần có quyền biểu quyết sẽ có 1.000 x 2 = 2.000 phiếu để bầu các thành viên HĐQT và 1.000 x 1 =1.000 phiếu để bầu các thành viên BKS
- Theo phương thức bầu dồn phiếu, cổ đông A có thể bầu theo một trong các trường hợp như sau với điều kiện tổng số phiếu bầu không được vượt quá 2.000 phiếu bầu thành viên HĐQT và 1.000 phiếu bầu thành viên BKS
- Cổ đông có thể bầu đều số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên HĐQT hoặc BKS; hoặc bầu số phiếu khác nhau cho mỗi ứng cử viên (Vd: ứng cử viên X: 700 phiếu bầu; Y: 1.300 phiếu bầu; hoặc có thể bầu hết cho 01 ứng viên HĐQT hoặc BKS với tổng số phiếu bầu)

6.3 Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên và phải có số phiếu bầu hợp lệ đạt tỷ lệ >=65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp theo cách tính sau đây:

Tỷ lệ số phiếu bầu: = (Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và bỏ phiếu tại đại hội) x 100% . Tỷ lệ này phải >= 65%
- Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên còn lại của HĐQT hoặc BKS thì sẽ ưu tiên lựa chọn người sở hữu số cổ phần trong Công ty cao hơn. Trường hợp số cổ phần của các ứng viên này bằng nhau thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn

- Trường hợp số thành viên HĐQT hoặc BKS trúng cử không đủ số lượng cần bầu do chưa đạt tỷ lệ tín nhiệm>=65%, Công ty sẽ tiến hành bầu bổ sung ngay trong cuộc họp ĐHĐCĐ cho đến khi đủ số thành viên HĐQT, BKS

Điều 7: Hình thức tiến hành bầu cử:

7.1 Phiếu bầu cử:
Mỗi cổ đông/người được ủy quyền dự họp sẽ được phát 02 (hai) phiếu bầu cử: 01 (một) phiếu bầu cử HĐQT và 01 (một) phiếu bầu cử Ban kiểm soát , trên đó có ghi mã số cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu và số phiếu bầu đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS, tên ứng cử viên được đề cử vào HĐQT, BKS, ô "Bầu đều" và " Cột số phiếu bầu" và có dấu treo của Công ty

7.2 Cách ghi phiếu bầu cử:

a. Cổ đông bầu dồn đều cho các ứng cử viên thì đánh dấu vào ô "Bầu đều"; hoặc

b. Cổ đông không bầu đều cho các ứng cử viên thì viết số phiếu muốn bầu cho ứng cử viên vào cột " Số phiếu bầu". Nếu cổ đông không bầu cho một hoặc một số ứng cử viên thì để trống hoặc gạch chéo vào cột " Số phiếu bầu" tương ứng với ứng cử viên hoặc một số ứng cử viên đó
- Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu để đổi lại phiếu bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông

7.3 Tính hợp lệ của Phiếu bầu cử:

a. Phiếu bầu cử hợp lệ: Là phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội phát ra có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật và ghi mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và tổng số phiếu bầu cử đã được nhân với số lượng thành viên HĐQT/BKS được bầu tương ứng.
Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);
Có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền;
Không bị rách, gạch, tẩy xoá, sửa chữa

b. Phiếu bầu cử không hợp lệ:
- Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
- Phiếu bầu cử không có dấu treo của Công ty
- Phiếu bầu cử bị rách, gạch, tẩy xóa sửa chữa, ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
- Phiếu bầu cử ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu
- Phiếu bầu cử nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu đã được niêm phong
Các phiếu bầu không hợp lệ không được tính vào kết quả bầu cử

7.4 Nguyên tắc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT/BKS:

- Ban Kiểm phiếu sẽ lập 2 thùng phiếu: Một thùng phiếu bầu thành viên HĐQT và một thùng phiếu bầu thành viên BKS. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra các thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu. Cổ đông/người được ủy quyền dự họp tiến hành bỏ phiếu bầu HĐQT/BKS vào thùng phiếu tương ứng. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hai thùng phiếu sẽ được BKP niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông.

Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.

7.5 Quy định việc kiểm phiếu:

a. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:
- Ban kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng riêng/khu vực riêng
- Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu
- Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu bầu cử
- Kiểm tra lần lượt từng phiếu bầu cử và ghi kết quả kiểm phiếu
- Niêm phong toàn bộ các phiếu bầu cử, bàn giao lại cho Chủ tọa

b. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:
- Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
- Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu
- Thành phần Ban kiểm phiếu
- Tổng số cổ đông tham gia dự họp;
- Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu
- Số và tỷ lệ phiếu bầu cử hợp lệ, phiếu bầu cử không hợp lệ
- Số và tỷ lệ số phiếu bầu cho từng ứng viên vào HĐQT, BKS
- Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu

Điều 8: Công bố kết quả bầu cử:

Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội
Kết quả này sẽ được ghi nhận tại Nghị quyết Đại hội.

Điều 9: Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 của Công ty thông qua.

Mẫu 1: Đơn ứng cử thành viên HĐQT/BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT/BKS BỔ SUNG NHIỆM KỲ (2012 -2017) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Kính gửi: Ban tổ chức - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014

Tôi là:……..
Mã số cổ đông:……
Số CMND/Hộ chiếu: ……... Ngày cấp: ……tại……
Địa chỉ thường trú:……
Trình độ học vấn:……Chuyên ngành……
Số cổ phần sở hữu liên tục ít nhất sáu tháng cho đến thời điểm chốt Danh sách cổ đông ngày 17/03/2014: ……..cổ phần, tương ứng với……..% vốn điều lệ của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi làm đơn này đề nghị được tham gia ứng cử thành viên HĐQT/BKS bổ sung nhiệm kỳ II (2012 – 2017) của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.
Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT/BKS theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử thành viên HĐQT/BKS bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.
Xin trân trọng cảm ơn!
……., ngày ……tháng……năm 2014

Cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu liên tục trong 6 tháng gần nhất hoặc giấy tờ tương đương của Công ty chứng khoán nơi ứng cử viên mở tài khoản hoặc của Trung tâm lưu ký (tính đến ngày 17/03/2014 ngày chốt Danh sách cổ đông họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2014)
- Bản sao hợp lệ CMND/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên

Mẫu 2: Đơn đề cử thành viên HĐQT/BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT/BKS BỔ SUNG NHIỆM KỲ II (2012 -2017) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Kính gửi: Ban tổ chức – Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014

Tôi/chúng tôi là cổ đông/ nhóm cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật, nắm giữ……..cổ phần (bằng chữ:……), chiếm …% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Họ và Tên	Số CMND/ ĐKKD/ Nơi cấp, ngày cấp	Mã số cổ đông	Số CP sở hữu trong thời hạn 6 tháng liên tục	Tỷ lệ %/Tổng số CP có quyền biểu quyết	Ký tên
	Tổng số CP					

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Quy chế bầu cử HĐQT/BKS bổ sung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, tôi/chúng tôi đồng ý đề cử Ông/ Bà có tên sau đây Tham gia ứng cử bầu thành viên HĐQT/Ban Kiểm Soát bổ sung của Công ty nhiệm kỳ II (2012 – 2017)

1./ Ông/Bà:
Ngày sinh: Nơi sinh:
Địa chỉ thường trú:
Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: tại
Trình độ học vấn: Chuyên ngành
Làm ứng cử viên cho vị trí thành viên HĐQT/Ban Kiểm Soát của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.
2./ Ông/Bà:
Ngày sinh: Nơi sinh:
Đại chỉ thường trú:
Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: tại
Trình độ học vấn: Chuyên ngành

Chúng tôi xin cam đoan các ứng viên đề cử có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT/BKS bổ sung theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử thành viên

HĐQT/BKS bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành

....., ngày .....tháng.....năm 2014

Cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch do người được đề cử tự khai (theo mẫu)
- Giấy xác nhận số cổ phần mà nhóm cổ đông sở hữu liên tục trong 6 tháng gần nhất hoặc giấy tờ tương đương của Công ty chứng khoán nơi ứng cử viên mở tài khoản hoặc của Trung tâm lưu ký (tính đến ngày17/03/2014 ngày chốt Danh sách cổ đông họp ĐHĐCĐ)
- Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử)
- Bản sao hợp lệ CMND/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. Số CMND……., ngày cấp……., nơi cấp……
6. Quốc tịch:
7. Dân tộc:
8. Địa chỉ thường trú:
9. Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động
10. Địa chỉ email:
11. Trình độ chuyên môn:
12. Quá trình công tác:

+ Từ……đến:……

+ Từ……đến:……

+ Từ……đến:……

+ Từ……đến:……

13. Chức vụ công tác hiện nay:

13.1 Chức vụ tại Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (Mã CK: IJC):

13.2 Chức vụ tại tổ chức khác ((ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có))

14. Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm .....), trong đó

Đại diện phần vốn của Công ty Becamex IDC: ..... CP.....% VĐL

Cá nhân sở hữu..... CP.....% VĐL

15. Các cam kết nắm giữ (nếu có)

16. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty Becamex IJC

Mối quan hệ.....Tên cá nhân/Tổ chức: .....nắm giữ.....CP, chiếm.....% vốn điều lệ

Mối quan hệ.....Tên cá nhân/Tổ chức: .....nắm giữ.....CP, chiếm.....% vốn điều lệ

17. Những khoản nợ đối với Công ty:.....

18. Lợi ích liên quan đối với Công ty:.....

19. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: .....

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của tổ chức đang làm việc

Thủ Dầu Một, ngày …..tháng ….năm 2014

NGƯỜI KHAI

(Ký tên, ghi rõ họ tên)



CÁC TỜ TRÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Số: 01/2014/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2014

TỜ TRÌNH

(V/v thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013, Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban kiểm soát và Phân phối lợi nhuận năm 2013)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán, Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (đính kèm tài liệu), báo cáo của Hội đồng quản trị và báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2013 của Công ty

Các chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động:

Tổng doanh thu:	651.144.372.120 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	185.630.574.978 đồng
Lợi nhuận sau thuế:	161.535.457.022 đồng
Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	589 đồng

2. Phân phối lợi nhuận năm 2013 và thông qua mức cổ tức:

Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2013 trình ĐHĐCĐ phê duyệt như sau:

Lợi nhuận chưa phân phối năm 2012:	12,193,498,080 đồng
Lợi nhuận sau thuế năm 2013:	160.701.931.265 đồng
Phân phối lợi nhuận của năm 2013:	
Quỹ đầu tư phát triển	0 đồng
Quỹ dự phòng tài chính	0 đồng
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.821.057.938 đồng
Chia cổ tức	164.516.715.000 đồng
Lợi nhuận chưa phân phối	3.557.656.407 đồng

Thời gian chi trả cổ tức của năm 2013: Tháng 07/2014

Trân trọng kính trình.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Số: 02/2014/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2014

TỜ TRÌNH

(V/v thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kế hoạch kinh doanh năm 2014 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2014)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2014:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	1.312 tỷ đồng, tăng	109% so với năm 2013
Lợi nhuận trước thuế:	386 tỷ đồng, tăng	109% so với năm 2013
Lợi nhuận sau thuế:	306 tỷ đồng, tăng	90% so với năm 2013

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2014

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, trích lập các quỹ như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển	**2% lợi nhuận sau thuế**
Trích quỹ dự phòng tài chính	**2% lợi nhuận sau thuế**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	**3% lợi nhuận sau thuế**
Tỷ lệ chi trả cổ tức	**8%/VĐL**

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2014 và uỷ quyền cho HĐQT quyết định thời gian chi trả phù hợp và thực hiện các thủ tục chi trả cổ tức cho năm 2014 theo đúng quy định hiện hành như sau:

- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 8%/VĐL
- Hình thức chi trả bằng tiền mặt.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Số: 01/2014/TTr-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2014

TỜ TRÌNH

(V/v lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2014 và soát xét BCTC bán niên năm 2014)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc uỷ quyền cho Ban kiểm soát xem xét, đánh giá và lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2014 và soát xét BCTC bán niên năm 2014 của Công ty từ các Công ty kiểm toán thuộc danh sách các Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Uỷ ban Chứng khoán nhà nước công bố hằng năm.

Trân trọng kính trình.

CÔNG TY CP PT HTKT
TM BAN KIỂM SOÁT

DƯƠNG THỊ HỒNG TỴ

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Số: 03/2014/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2014

TỜ TRÌNH

(V/v Chi trả thù lao HĐQT, BKS và thư ký Công ty năm 2013
và Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2014)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1. Chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2013:
Chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2013 là 480.000.000 đồng (bằng 0,3% x LNST năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013)

2./ Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2014:
Thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2014: 0,3% x LNST năm 2014 và uỷ quyền cho HĐQT quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty.

Trân trọng kính trình.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Số: 04/2014/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2014

TỜ TRÌNH

(V/v Phê chuẩn thay thế thành viên Hội đồng quản trị)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.
- Căn cứ Nghị quyết HĐQT Số **02/2014/NQ-HĐQT** Ngày 07/04/2014

Ngày 07/04/2014, HĐQT đã tổ chức cuộc họp và thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Hùng làm thành viên HĐQT thay thế cho Bà Nguyễn Thị Dung thành viên HĐQT có đơn xin từ nhiệm vì lý do cá nhân.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Hùng làm thành viên HĐQT trong nhiệm kỳ 2012–2017 (Sơ yếu lý lịch của Ông Nguyễn Văn Hùng vui lòng xem phụ lục đính kèm Tờ trình)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê chuẩn.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Hùng
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 06/09/1959
4. Nơi sinh: Mỹ Phước, Bến Cát, Bình Dương
5. Số CMND: 280136669, ngày cấp: 06/11/2007, nơi cấp: Công an Bình Dương
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Địa chỉ thường trú: 230, Đại lộ Bình Dương, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
9. Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế
10. Quá trình công tác:
    Từ năm 1992 đến nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV – BECAMEX IDC
11. Các chức vụ công tác hiện nay:
    - Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV – BECAMEX IDC
    - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam-Singapore
12. Tổng số CP nắm giữ tại IJC: Không có
13. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
    - Công ty mẹ: Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV nắm giữ 216.066.006 CP chiếm 78,8%
    - Vợ: Trần Ngọc Yến nắm giữ: 0 CP, chiếm 0% VĐL
    - Con: Nguyễn Tấn Lợi nắm giữ: 0 CP, chiếm 0% VĐL
14. Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
15. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
16. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thủ Dầu Một, ngày …..tháng ….năm 2014

NGƯỜI KHAI

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Số: 05/2014/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 10 tháng 4 năm 2014

TỜ TRÌNH

(V/v sửa đổi , bổ sung điều lệ của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
- Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.

Ngày 26/07/2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng ("Thông tư 121") và phụ lục về Điều lệ mẫu đính kèm thông tư để các công ty đại chúng tham khảo xây dựng Điều lệ Công ty.

Để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và nhằm nâng cao chất lượng quản trị Công ty. HĐQT đã tiến hành cuộc họp rà soát và xem xét các điều khoản của Điều lệ được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông ngày 18/04/2013 đảm bảo phù hợp với Điều lệ mẫu được quy định tại Thông tư 121 và đúng quy định của pháp luật hiện hành. HĐQT kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty (chi tiết: vui lòng xem phụ lục đính kèm Tờ trình này).

Điều lệ mới có hiệu lực kể từ ngày thông qua và thay thế cho bản Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2013. Giao cho người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức hoàn thiện, ký ban hành bản Điều lệ mới theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN HÙNG

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI BỔ SUNG
BẢN ĐIỀU LỆ CÔNG TYĐƯỢC ĐHĐCĐ THÔNG QUA
NGÀY 18 THÁNG 04 NĂM 2013

STT	Điều khoản	Trích yếu nội dung	Đề xuất
1	**Điều 1: Định nghĩa**	Khoản 1: c. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh d. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 12/11/1996 e. "Cán bộ quản lý" có nghĩa là Tổng giám đốc điều hành, kế toán trưởng, và các cán bộ khác được HĐQT chỉ định làm cán bộ quản lý của Công ty g. "Cổ đông" có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu	**Đề xuất sửa đổi:** **Điều 1: Giải thích thuật ngữ:** Khoản 1: d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu e. " Pháp luật" là có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 2 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 06 năm 2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. f. "Cán bộ quản lý" là giám đốc Tổng giám đốc điều hành,Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong công ty được HĐQT phê chuẩn h. "Cổ đông" là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty **Bổ sung thêm nội dung:** a. "Công ty" được quy định trong Điều lệ này là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết. j. " Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
2	**Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, VPĐD và thời gian hoạt động của Công ty**	2.Tên công ty: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật 3.Tên giao dịch đối ngoại: Becamex Infrastructure Development Joint Stock Company	**Đề xuất sửa đổi:** 1. Tên Công ty - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Tên tiếng Anh: Becamex Infrastructure Development Joint Stock Company - Tên viết tắt: Becamex IJC

2	**Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, VPĐD và thời gian hoạt động của Công ty**	Tên giao dịch viết tắt: Becamex IJC Trụ sở công ty: Tầng 5, Toà nhà Becamex Tower, Số 230 Đại lộ Bình Dương, TP.TDM, tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0650.3848789 Fax: 0650.3848678 E-mail : info@becamexijc.com Website: www.becamexijc.com Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định việc chuyển trụ sở. Hội đồng quản trị Công ty quyết định thành lập hay huỷ bỏ Chi nhánh, VPĐD của Công ty. 4.Thời hạn hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Becamex Tower, Số 230 Đại lộ Bình Dương, TP.TDM, tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0650.3848789 Fax: 0650.3848678 E-mail : nfo@becamexijc.com Website: www.becamexijc.com Đề xuất bãi bỏ nội dung này **Đề xuất sửa đổi bổ sung:** 5.Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. 6.Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày thành lập
3	**Điều 5: Vốn Điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập**	1. Tất cả các cổ phần do công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ 2. Vào ngày thông qua điều lệ này, vốn điều lệ của công ty là 2.741.945.250.000 đồng 5. Công ty có thể phát hành cổ phần với phương thức trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải xác định tại thời điểm phát hành cổ phần	**Đề xuất bỏ nội dung này** **Đề xuất sửa đổi bổ sung:** 1.Vốn điều lệ của công ty là 2.741.945.250.000 đồng (Bằng chữ: Hai nghìn bảy trăm bốn mươi mốt tỷ chín trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). **Đề xuất bổ sung nội dung:** 3.Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều lệ này **Đề xuất bỏ nội dung này**

		7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chao bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. 8.Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	**Đề xuất bỏ cụm từ :…"** (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại). Nội dung sau khi sửa đổi: 7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. 8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông và/hoặc HĐQT thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
4	**Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác**	Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty, **trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.**	**Đề xuất bỏ cụm từ:……** "trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác" . Nội dung sau khi sửa đổi: Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.
5	**Điều 9: Thu hồi cổ phần**	3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận viêc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.	**Đề xuất sửa đổi:** 3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện

		4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp. 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 9,6% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.	**Đề xuất sửa đổi:** 4.Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. HĐQT…… thấy phù hợp **Đề xuất bỏ cụm từ:…..”** hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó”. Nội dung sau khi sửa đổi: 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (**không quá 9,6% một năm**) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6	**Điều 13: Đại hội đồng cổ đông**	1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên……kể từ ngày kết thúc năm tài chính	**Đề xuất sửa đổi:** 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông thường niên……kể từ ngày kết thúc năm tài chính
7	**Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**	Khoản 2: đ. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành o. Công ty hoặc các chi nhánh nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 4 Điều 33 của Bản điều lệ này với giá trị tương đương hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty…..được kiểm toán gần nhất	**Đề xuất sửa đổi:** Khoản 2: đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. **Đề xuất sửa đổi, bổ sung:** p. Công ty hoặc các chi nhánh nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại **khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp** với giá trị **bằng** hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty…..được kiểm toán gần nhất **Bổ sung thêm nội dung:** q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty

		Khoản 3: a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 14 nếu cổ đông đó hoặc những người liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng.	**Đề xuất bổ sung:** Khoản 3 a. **Thông qua** các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 14 nếu cổ đông đó hoặc những người liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
8	**Điều 15: Các đại diện được uỷ quyền**	2. Việc chỉ định đại diện được uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	**Đề xuất sửa đổi bổ sung:** 2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
9	**Điều 16: Thay đổi các quyền**	1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 14 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua 4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẽ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại	**Đề xuất bỏ đoạn:** "Các quyết định……khác nhau". Nội dung sau khi sửa đổi: 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua **Đề xuất sửa đổi bổ sung:** 3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.
10	**Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo.**	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông **trừ các trường hợp quy định** tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 của Bản điều lệ này. Khoản 2: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội **trong vòng 30 ngày** trước ngày bắt đầu	**Đề xuất sửa đổi bổ sung:** 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông **hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập** theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này. **Đề xuất sửa đổi bổ sung:** Khoản 2: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội **chậm nhất ba mươi (30) ngày** trước ngày bắt đầu tiến

		tiến hành ĐHĐCĐ; chương trình họp, vàcác tài liệu phù hợp với Luật pháp và các quy định của Công ty 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông. 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Bản Điều lệ này có	hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận. 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại **Khoản 3 Điều 11** Điều lệ này có quyền đề xuất

		quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp. Khoản 5: b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục sáu tháng trở lên; c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết; và	các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp. **Đề xuất bổ sung nội dung:** Khoản 5: b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này **Đề xuất bỏ nội dung này** **Bổ sung thêm:** d. Các trường hợp khác
11	**Điều 18: Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông và lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông**	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	**Đề xuất sửa đổi:** **Điều 18 Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông** 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết
12	**Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tạiĐại hội đồng cổ đông**	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ **tán thành** nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối

		thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người. 5. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất. 6. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.	để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. **Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.** *Bổ sung nội dung:* Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp. **Đề xuất sửa đổi:** 5. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. **Đề xuất sửa đổi:** 6. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây: a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

13	**Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**	Khoản 1: c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành. 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.	**Đề xuất sửa đổi, bổ sung:** Khoản 1: c. **Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế** thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành. 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông **(trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).**
14	**Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**	Khoản 3: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; Khoản 5: 5a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;	**Đề xuất sửa đổi:** Khoản 3: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; Khoản 5: 5a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**, nơi đăng ký kinh doanh;
15	**Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**	Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	**Đề xuất sửa đổi, bổ sung:** Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, **thành viên Ban kiểm soát**, Tổng giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

		1.Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Bản Điều lệ công ty;	1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của **Luật Doanh nghiệp** và Điều lệ Công ty.
16	**Điều 24: Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. ..... 2. Các thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền đề cử các thành viên Hội đồng quản trị bằng cách gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu. 3c. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. Khoản 4: e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	**Đề xuất bổ sung:** 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị **ít nhất** là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người…… **Đề xuất bỏ nội dung này** **Đề xuất sửa đổi, bổ sung:** 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định **tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty**. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. **Đề xuất sửa đổi, bổ sung:** Khoản 4: đ. Thành viên đó bị **bãi nhiệm** theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được **công bố thông tin** theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
17	**Điều 25: Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**	1.Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị..... 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Bản Điều lệ, các	**Đề xuất sửa đổi bổ sung:** 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự **giám sát và chỉ đạo** của Hội đồng quản trị. …. 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp Bản Điều lệ, các quy chế nội bộ của

		quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	Công ty và **quyết định** của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
		e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại người quản lý đó;	đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty **để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;**
		g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá định trước;	**Đề xuất sửa đổi, bổ sung:** f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
		h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;	g. Quyết định phương án phát phát hành và giá trái phiếu h. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền
		i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, **cách chức** Tổng giám đốc, giám đốc điều hành hay bất kỳ người quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có)	i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
		k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định **mức cổ tức tạm thời**; tổ chức việc chi trả cổ tức;	l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định **mức cổ tức tạm ứng**; tổ chức việc chi trả cổ tức;
		l. Đề xuất việc **tái cơ cấu lại** hoặc giải thể công ty.	m. Đề xuất việc **tổ chức lại** hoặc giải thể Công ty.
		4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và Luật sư của Công ty;	d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

		g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phiếu theo từng loại; 9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (*bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch*), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.	g. Việc mua hoặc bán cổ phần, **phần vốn góp** tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% **mỗi loại cổ phần**; **Đề xuất sửa đổi:** 9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị
18	**Điều 27: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**	1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. 9. Biểu quyết. b. Thành viên Hội đồng không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ những người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính	**Đề xuất sửa đổi, bổ sung:** 1. Trường hợp Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau **thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.** **Đề xuất sửa đổi, bổ sung** b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần

		vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết. c. Theo quy định tại **Mục 9d Điều này**, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến **tất cả các thành viên Hội đồng khác** sẽ có giá trị quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng. 10. Công khai lợi ích: Một thành viên Hội đồng trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan. 11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của	thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại **Điểm d Khoản 9 Điều 27**, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan **đến vấn đề này** có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ; **Đề xuất sửa đổi, bổ sung** 10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến **ký kết** với Công ty **và biết bản thân là người có lợi ích trong đó** có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan. **Đề xuất sửa đổi, bổ sung** 11. Hội đồng quản trị thông qua các **quyết định** và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt

		đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định. 12b. Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. 13.Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây: a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị; b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký. 15.Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng quản trị nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tuỳ từng thời điểm. Những	(trên50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định. **Đề xuất sửa đổi, bổ sung** Các **quyết định** được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. **Đề xuất sửa đổi, thay thế:** Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. **Đề xuất sửa đổi, bổ sung** 15.Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên

		quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của ủy ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị. 16. Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù trong quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc hội đồng quản trị có thể có những sai sót.	Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. **Đề xuất sửa đổi, bổ sung** 16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.
19	**Điều 29: Cán bộ quản lý**	1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị quyết định tuỳ từng thời điểm. Người quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.	**Đề xuất sửa đổi, bổ sung** 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty **được tuyển dụng** cán bộ quản lý cần thiết, **với số lượng và chất lượng phù hợp** với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tuỳ từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
20	**Điều 30: Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành**	Khoản 3: d. Kiến nghị với Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;	**Đề xuất sửa đổi bổ sung:** Khoản 3 d.Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ

21	**Điều 31: Thư ký Công ty**	Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Thư ký công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không được phép trái với các qui định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng Thư ký Công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty tuỳ từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:	**Đề xuất sửa đổi bổ sung:** Hội đồng quản trị chỉ định **một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty** và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tuỳ từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
22	**Điều 35: Thành viên Ban kiểm soát**	1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát; b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;	**Đề xuất sửa đổi bổ sung:** **Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát** 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: **Đề xuất sửa đổi bổ sung:** a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

23	**Điều 36: Ban kiểm soát**	Khoản 1: a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị; 4. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được phép họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người; 3. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định **hàng năm**. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của **Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.**	**Đề xuất sửa đổi bổ sung: Điều 33. Ban kiểm soát** Khoản 1: Đề xuất bỏ nội dung: … "đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập". Nội dung sau khi sửa đổi: a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan; d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý; 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người. 4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.
24	**Điều 32: Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản**	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý **được ủy thác trách nhiệm** thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị	**Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng** Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên **Ban kiểm soát**, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

25	**Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố	**Đề xuất sửa đổi, bổ sung:** **Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi** 1. Thành viên Hội đồng quản trị, t**hành viên Ban kiểm soát**, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. **Đề xuất sửa đổi, bổ sung:** 3.Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, **thành viên Ban kiểm soát**,Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. **Đề xuất sửa đổi, bổ sung:** 4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, **thành viên Ban kiểm soát**, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng

		quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn. 5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.	hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 50% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này; c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổđông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện Thành viên Hội đồng quản trị, **thành viên Ban kiểm soát**, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

26	**Điều 34: Trách nhiệm và bồi thường**	2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty (**hay công ty con của Công ty**),) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	**Đề xuất sửa đổi, bổ sung:** **Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường** 2.Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
27	**Điều 37: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điểm b Khoản 3 Điều 24 và Khoản 2 Điều 35 của Bản Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu	**Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ** 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ

27	**Điều 37: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**	được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này. 4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.	đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này. 4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.
28	**Điều 38 Công nhân viên và Công đoàn**	Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Bản Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	**Đề xuất sửa đổi:** 1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương , bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý. 2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
29	**Điều 39 Phân phối lợi nhuận**	2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty 4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng	**Đề xuất sửa đổi , bổ sung:** 2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định **tạm ứng cổ tức giữa kỳ** nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty. 4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc **thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ** phiếu và

		những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.	Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. **Bổ sung nội dung:** Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.
30	**Điều 40: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**	Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	**Đề xuất bỏ nội dung này.**

31	**Điều 42: Năm tài chính**	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành nghề có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai ngay sau ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh đó.	**Đề xuất sửa đổi , bổ sung** **Điều 41. Năm tài chính** Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31của tháng mười hai ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.
32	**Điều 43: Chế độ kế toán**	1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS).	**Đề xuất sửa đổi bổ sung:** **Điều 42. Chế độ kế toán** 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
33	**Điều 45: Báo cáo năm, sáu tháng và hàng quý**	1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 của Bản Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ **Trung tâm Giao dịch Chứng khoán** và cơ quan đăng ký kinh doanh. 3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.	**Đề xuất sửa đổi bổ sung:** **Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý** 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn .90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp

		4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.	4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
34	**Điều 46: Kiểm toán**	2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo kế toán năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính. 3. Một bản sao của Báo cáo Kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản *báo cáo kế toán năm* của Công ty.	**Đề xuất sửa đổi bổ sung:** **Điều 45. Kiểm toán** 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty
35	**Điều 48: Chấm dứt hoạt động**	2.Việc giải thể công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.	**Đề xuất sửa đổi bổ sung:** **Điều 47. Chấm dứt hoạt động** 2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, **Hội đồng quản trị thực hiện**. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định
36	**Điều 50: Thanh lý**	3c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;	**Đề xuất sửa đổi bổ sung:** **Điều 49. Thanh lý** Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
37	**Điều 51: Giải quyết tranh chấp nội bộ**	1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Bản Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:	**Đề xuất sửa đổi bổ sung:** **Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ** Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT NĂM 2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4.	Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 14
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	15 - 46
8.	Phụ lục	47 - 49

****

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (công ty mẹ) và Công ty TNHH một thành viên IJC (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Dự án Quốc lộ 13 trực thuộc Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên) theo Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700805566, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 29 tháng 6 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Ngày 19 tháng 4 năm 2010, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 64/2010/QĐ-SGDHCM ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là IJC.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	216.066.006	2.160.660.060.000	78,80
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	6.712.775	67.127.750.000	2,45
Các cổ đông khác	51.415.744	514.157.440.000	18,75
Cộng	**274.194.525**	**2.741.945.250.000**	**100,00**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : (0650) 3848.789

Fax : (0650) 3848.678

Mã số thuế : 3700805566

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Thi công điện dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng. Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Giám sát xây dựng các công trình giao thông;
- Xây dựng các công trình công cộng;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng;

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị. Kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng. Dịch vụ nhà ở công nhân. Mua bán, chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản;
- Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT, BT;
- Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Khai thác khoáng sản. Chế biến khoáng sản;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn. Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hoá phục vụ cho sản xuất tiêu dùng;
- Sản xuất vật tư, nguyên liệu và hàng hoá phục vụ cho sản xuất tiêu dùng;
- Dịch vụ trồng cây xanh, vườn hoa, cây cảnh;
- Dịch vụ chăm sóc cây xanh, vườn hoa, cây cảnh;
- Thu gom rác thải, vệ sinh môi trường;
- Xử lý rác thải, vệ sinh môi trường.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên IJC	Tầng 4, Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3701906616 ngày 09 tháng 8 năm 2011	100%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Doanh thu và lợi nhuận năm 2013 của Tập đoàn giảm so với năm trước chủ yếu là do hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật sụt giảm.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 46).

Trong năm, Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18 tháng 4 năm 2013 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển (02% lợi nhuận sau thuế)	3.671.864.169 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính (02% lợi nhuận sau thuế)	3.671.864.169 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (03% lợi nhuận sau thuế)	5.507.796.253 VND
- Chia cổ tức (06%/vốn điều lệ)	164.516.715.000 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý
Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Quảng Văn Viết Cương	Chủ tịch	20 tháng 4 năm 2012	-
Ông Nguyễn Hoàn Vũ	Phó Chủ tịch	20 tháng 4 năm 2012	-
Ông Đỗ Quang Ngôn	Thành viên	20 tháng 4 năm 2012	-
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	20 tháng 4 năm 2012	-
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên	20 tháng 4 năm 2012	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Thị Hồng Tỵ	Trưởng ban	20 tháng 4 năm 2012	-
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy	Thành viên	20 tháng 4 năm 2012	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Thành viên	20 tháng 4 năm 2012	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Quang Ngôn	Tổng Giám đốc	16 tháng 7 năm 2007	-
Ông Lê Văn Hậu	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 7 năm 2007	-
Ông Trần Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	06 tháng 4 năm 2011	-

Kiểm toán viên
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Quảng Văn Viết Cương
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

BAKER TILLY A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0253/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật, bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (công ty mẹ) và Công ty TNHH một thành viên IJC (công ty con) được lập ngày 09 tháng 3 năm 2014, từ trang 08 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Lương Anh Vũ - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1832-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
Địa chỉ: Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**3.023.627.764.203**	**2.929.930.076.978**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**45.582.895.291**	**79.036.367.696**
1. Tiền	111		12.179.549.535	13.783.021.837
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.403.345.756	65.253.345.859
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**355.531.395.247**	**282.149.768.125**
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	299.813.196.671	251.388.878.393
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	23.141.339.648	24.709.200.014
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	32.576.858.928	6.051.689.718
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**2.606.302.450.292**	**2.530.858.833.665**
1. Hàng tồn kho	141	V.5	2.606.302.450.292	2.530.858.833.665
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**16.211.023.373**	**37.885.107.492**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	11.359.984.744	14.651.680.018
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.851.393.051	17.707.000.696
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.000.000	277.133.263
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	2.998.645.578	5.249.293.515

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
Địa chỉ: Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**1.784.228.514.772**	**1.682.776.150.033**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**951.159.913.441**	**870.339.678.366**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.8	511.036.972.955	392.098.274.633
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.9	440.122.940.486	478.241.403.733
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**641.018.648.034**	**618.140.025.655**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	639.521.209.253	617.143.009.989
	Nguyên giá	*222*		*860.941.069.574*	*809.427.770.961*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(221.419.860.321)*	*(192.284.760.972)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	*225*		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.497.438.781	530.426.478
	Nguyên giá	*228*		*3.396.654.021*	*1.867.355.441*
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(1.899.215.240)*	*(1.336.928.963)*
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	-	466.589.188
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**	V.13	**173.808.096.000**	**177.355.200.000**
	Nguyên giá	241		177.355.200.000	177.355.200.000
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.547.104.000)	-
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**18.067.367.085**	**16.747.367.999**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	17.494.979.945	15.805.054.859
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.16	572.387.140	942.313.140
VI.	**Lợi thế thương mại**	**269**	V.17	**174.490.212**	**193.878.013**
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**4.807.856.278.975**	**4.612.706.227.011**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
Địa chỉ: Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.800.157.465.730**	**1.596.516.359.515**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.206.181.744.795**	**975.653.325.962**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	130.750.451.494	62.059.236.799
2. Phải trả người bán	312	V.19	376.985.886.963	388.403.821.046
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	18.560.655.614	2.565.926.700
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	9.543.931.825	694.671.686
5. Phải trả người lao động	315	V.22	2.803.969.297	2.420.401.095
6. Chi phí phải trả	316	V.23	278.463.251.451	245.682.574.214
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	388.079.172.335	272.159.036.255
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	994.425.816	1.667.658.167
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**593.975.720.935**	**620.863.033.553**
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	2.564.226.000	2.729.205.884
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	524.512.577.135	504.548.860.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.28	66.898.917.800	113.584.967.669
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**3.007.698.813.245**	**3.016.189.867.496**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**3.007.698.813.245**	**3.016.189.867.496**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.741.945.250.000	2.741.945.250.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	10.420.226.000	10.420.226.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.29	30.644.475.288	26.972.611.119
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.29	50.961.906.875	47.290.042.706
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	173.726.955.082	189.561.737.671
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**439**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**4.807.856.278.975**	**4.612.706.227.011**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
Địa chỉ: Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 09 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thị Thùy	Trịnh Thanh Hùng	Đỗ Quang Ngôn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
Địa chỉ: Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01	VI.1	653.906.867.231	750.144.692.399
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	02	VI.1	38.754.140.451	137.984.717.488
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10	VI.1	615.152.726.780	612.159.974.911
4.	**Giá vốn hàng bán**	11	VI.2	352.830.532.192	272.268.803.399
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		262.322.194.588	339.891.171.512
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	21	VI.3	33.514.865.708	8.298.732.581
7.	**Chi phí tài chính**	22	VI.4	46.422.893.781	36.714.133.618
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.175.289.243	36.714.133.618
8.	**Chi phí bán hàng**	24	VI.5	42.585.679.971	67.780.799.922
9.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	25	VI.6	19.953.760.382	18.295.772.811
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		186.874.726.162	225.399.197.742
11.	**Thu nhập khác**	31	VI.7	2.476.779.632	3.031.742.631
12.	**Chi phí khác**	32	VI.8	3.720.930.816	1.656.077.839
13.	**Lợi nhuận khác**	40		(1.244.151.184)	1.375.664.792
14.	**Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh**	45		-	-
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	50		185.630.574.978	226.774.862.534
16.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	51	V.21	24.097.117.976	41.443.037.884
17.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	52		-	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	60		161.533.457.002	185.331.824.650
18.1.	***Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số***	*61*		-	-
18.2.	***Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ***	*62*		*161.533.457.002*	*185.331.824.650*
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70	VI.9	589	676

Bình Dương, ngày 09 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thị Thủy	**Trịnh Thanh Hùng**	**Đỗ Quang Ngôn**

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***185.630.574.978***	***226.774.862.534***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.10; V.11;V.13	35.420.938.982	29.198.645.612
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7; VI.8	(33.310.616.695)	(7.678.716.506)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	29.175.289.243	36.714.133.618
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***216.916.186.508***	***285.008.925.258***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(88.447.060.654)	171.524.147.781
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(55.417.287.542)	(208.151.445.333)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		18.133.239.524	143.229.392.536
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.095.536.370	(12.289.932.977)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	V.23; VI.4; VIII.2	(73.706.554.789)	(103.064.177.904)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(14.550.391.031)	(93.666.674.387)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		53.403.489.184	318.963.563.333
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(64.544.574.266)	(331.735.575.229)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(4.117.416.696)***	***169.818.223.078***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.11; V.12 VII	(78.967.936.595)	(6.862.298.665)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	63.636.364	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4;VI.3	3.413.370.492	9.183.249.496
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(75.490.929.739)***	***2.320.950.831***

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
Địa chỉ: Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18; V.27	228.596.520.311	105.914.313.342
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(139.941.588.481)	(216.695.580.211)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24; V.29	(42.500.057.800)	(83.990.049.800)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***46.154.874.030***	***(194.771.316.669)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(33.453.472.405)**	**(22.632.142.760)**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**79.036.367.696**	**101.668.510.456**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**45.582.895.291**	**79.036.367.696**

Bình Dương, ngày 09 tháng 3 năm 2014

Bùi Thị Thùy	Trịnh Thanh Hùng	Đỗ Quang Ngôn
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (công ty mẹ) và Công ty TNHH một thành viên IJC (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ : Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Kinh doanh bất động sản, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống; các dịch vụ khách sạn, du lịch, vận tải hành khách, đại lý vé máy bay, tàu hoả, kinh doanh siêu thị.

4. Công ty con

Tên công ty	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*
Công ty TNHH một thành viên IJC	Tầng 04, Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%

5. Nhân viên
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn có 515 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 439 nhân viên).

6. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất
Doanh thu và lợi nhuận năm 2013 của Tập đoàn giảm so với năm trước chủ yếu là do hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty mẹ sụt giảm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13

Các khoản duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13 được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Thiết bị thu phí tự động

Các thiết bị thu phí tự động được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các Công ty trong Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm khi chi trả cho người lao động.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty mẹ như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty mẹ
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,...
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng
Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia
Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính
Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn chỉ bao gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu
Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính
Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu
Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính
Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu
Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính
Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận
Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan
Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.999.018.176	3.195.085.514
Tiền gửi ngân hàng	10.180.531.359	10.587.936.323
Các khoản tương đương tiền (*)	33.403.345.756	65.253.345.859
Cộng	**45.582.895.291**	**79.036.367.696**

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng mua nhà, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng phố thương mại IJC2	9.185.260.400	9.850.760.400
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Lô 5B	57.738.833.459	79.128.600.982
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu đô thị Đông Đô Đại Phố	89.784.296.305	66.471.809.638
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu biệt thự Sunflower	22.754.504.000	12.810.183.000
Các khách hàng mua căn hộ chung cư IJC Aroma, Aroma Shop	66.109.910.180	65.389.640.721
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản - tiền xây dựng Lô F13-68 căn khu phố Phú An, Mỹ Phước	4.112.500.000	4.112.500.000
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư - tiền xây dựng, quảng cáo Lô P6A nhà phố Prince Town	-	8.522.021.218
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên - trang trí nội thất căn hộ IJC Aroma	358.442.278	3.222.137.853
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Lô D2-VĐ4	973.245.224	-
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư CSHT dự án IJC @ VSIP	8.073.594.000	-
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án Prince Town	35.413.518.141	-
Các khách hàng khác	5.309.092.684	1.881.224.581
Cộng	**299.813.196.671**	**251.388.878.393**

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp liên quan đến việc đầu tư mua sắm tài sản cố định	-	306.504.000
Các nhà cung cấp khác	23.141.339.648	24.402.696.014
Cộng	**23.141.339.648**	**24.709.200.014**

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi dự thu	80.541.441	238.995.094
Tiền ứng để thi công hệ thống cấp nước	1.021.950.000	1.021.950.000
Chi hộ cho Ban quản lý tòa nhà chung cư New Horizon, tòa nhà Becamex Tower	209.298.636	-
Phải thu tiền chi hộ hoa hồng môi giới bán nhà phố Prince Town - Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư	-	399.577.499

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua căn hộ New Horizon	32.706.355	72.549.132
Phải thu tiền làm hộ sân cho khách hàng mua nhà tại phố thương mại IJC2	-	553.450.457
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.113.920.433	2.123.696.426
Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ Dự án Becamex City Center - Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp -TNHH một thành viên	30.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	118.442.063	1.641.471.110
Cộng	**32.576.858.928**	**6.051.689.718**

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	286.805.572	30.876.834
Công cụ, dụng cụ	4.594.162.012	8.045.129.619
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	2.575.823.623.094	2.502.619.553.170
Hàng hóa bất động sản	21.617.718.078	20.163.274.042
Hàng hóa	3.980.141.536	-
Cộng	**2.606.302.450.292**	**2.530.858.833.665**

(i) Chủ yếu là chi phí dở dang của các công trình xây dựng nhà phố, khu thương mại, nhà biệt thự, nhà chung cư,... Trong đó, công trình Khu đô thị Đông Đô Đại Phố có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.953.979.176.341 VND (số dư đầu năm là 2.000.176.650.626 VND). Công trình này đang trong quá trình xây dựng, phần lớn phản ánh chi phí chuyển quyền sử dụng đất. Ngoài ra còn phát sinh một số chi phí khác như phí khảo sát địa chất địa hình, xây dựng nhà thô công trình, thi công hệ thống đường giao thông, thoát nước, chi phí sử dụng vốn,...

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quảng cáo	10.443.640.178	14.509.134.811
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	916.344.566	142.545.207
Cộng	**11.359.984.744**	**14.651.680.018**

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng công tác	877.554.578	870.293.515
Tạm ứng để đặt cọc mua bất động sản	1.880.091.000	4.221.000.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	241.000.000	158.000.000
Cộng	**2.998.645.578**	**5.249.293.515**

8. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu đô thị Đông Đô Đại Phố	193.337.506.331	147.979.173.360
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu biệt thự Sunflower	80.059.671.000	38.450.545.000
Các khách hàng mua căn hộ chung cư IJC Aroma, Aroma Shop	167.247.042.224	205.668.556.273
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án Prince Town	70.392.753.400	-
Cộng	**511.036.972.955**	**392.098.274.633**

9. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên - Góp vốn xây dựng Dự án Becamex City Center (i)	440.122.940.486	418.241.403.733
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư - ứng tiền hợp tác kinh doanh dự án phát triển nhà ở độc lập Phố thương mại Prince Town (ii)	-	60.000.000.000
Cộng	**440.122.940.486**	**478.241.403.733**

(i) Đây là dự án hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên để xây dựng Dự án Becamex City Center. Với diện tích hơn 61.000m^2, có tổng số vốn đầu tư lên tới 2.500 tỷ VND, dự án là một khu phức hợp các công trình dịch vụ như văn phòng làm việc, căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại, khách sạn 5 sao, khu vui chơi nghỉ dưỡng, bãi đỗ xe, công viên,... và nhiều tiện ích khác. Một số công trình của dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác, một số công trình khác vẫn đang trong quá trình xây dựng để hoàn thiện.

(ii) Đây là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư để xây dựng Dự án phát triển nhà ở độc lập Phố thương mại Prince Town. Dự án rộng khoảng 2,2 hecta, gồm 130 căn nhà phố thương mại. Hiện nay đã hoàn thiện phần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xây xong 45 căn nhà phố. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư đã chuyển nhượng toàn bộ dự án cho Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	782.614.979.585	1.809.734.506	4.559.536.142	20.443.520.728	809.427.770.961
Mua sắm mới	24.574.758.969	530.700.727	739.218.182	2.377.553.229	28.222.231.107
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	21.150.535.261	-	-	6.038.321.451	27.188.856.712
Thanh lý, nhượng bán	(18.500.000)	(251.399.766)	(190.476.190)	(18.100.000)	(478.475.956)
Giảm khác(*)	(66.633.548)	(133.399.725)	(53.504.544)	(3.165.775.433)	(3.419.313.250)
Số cuối năm	**828.255.140.267**	**1.955.635.742**	**5.054.773.590**	**25.675.519.975**	**860.941.069.574**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	*965.753.079*	*132.495.509*	*1.497.779.888*	*5.229.162.178*	*7.825.190.654*
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	176.625.002.945	871.365.852	3.090.897.971	11.692.164.754	192.284.760.972
Khấu hao trong năm	26.941.155.509	288.263.680	613.149.708	3.452.771.593	31.296.848.825
Thanh lý, nhượng bán	(3.237.507)	(53.357.314)	(182.539.682)	-	(245.972.288)
Giảm khác(*)	(65.005.394)	(111.449.056)	(21.401.808)	(1.717.920.930)	(1.915.777.188)
Số cuối năm	**203.497.915.553**	**994.823.162**	**3.500.106.189**	**13.427.015.417**	**221.419.860.321**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	605.989.976.640	938.368.654	1.468.638.171	8.746.026.524	617.143.009.989
Số cuối năm	**624.757.224.714**	**960.812.580**	**1.554.667.401**	**12.248.504.558**	**639.521.209.253**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

(*) Điều chỉnh các tài sản không thỏa điều kiện là tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 392.623.734.008 VND và 274.995.806.856 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.867.355.441	1.336.928.963	530.426.478
Tăng trong năm	1.456.998.000		
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	89.262.000		
Khấu hao trong năm		576.986.157	
Giảm khác(*)	(16.961.420)	(14.699.880)	
Số cuối năm	**3.396.654.021**	**1.899.215.240**	**1.497.438.781**

(*) Điều chỉnh các tài sản không thỏa điều kiện là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí đầu tư trang trí nội thất tại Becamex Hotel. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	466.589.188	26.909.090.909
Tăng trong năm	29.595.211.488	466.589.188
Kết chuyển sang tài sản cố định	(27.278.118.712)	-
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(26.909.090.909)
Kết chuyển giảm khác	(2.783.681.964)	-
Số cuối năm	**-**	**466.589.188**

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Chi phí mua 4 tầng tại Becamex Tower để đầu tư Trung tâm thương mại Becamex.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	177.355.200.000	-	177.355.200.000
Khấu hao trong năm		3.547.104.000	
Số cuối năm	**177.355.200.000**	**3.547.104.000**	**173.808.096.000**

Tại thời điểm cuối năm Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	18.107.522.253	19.506.459.449
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	19.152.774.942	19.371.806.678

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên IJC	Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện, giới thiệu, xúc tiến thương mại, bán lẻ, bán buôn đồ uống, bán hàng lưu niệm, bán lẻ siêu thị, trung tâm thương mại, các dịch vụ khách sạn, du lịch, vận tải hành khách, đại lý vé máy bay, tàu hỏa.	6.000.000.000	100%	100%

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	7.750.468.654	10.142.438.852	(6.265.577.368)	11.627.330.138
Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13	927.502.377	402.400.000	(922.572.448)	407.329.929
Thiết bị thu phí tự động	7.127.083.828	2.124.432.160	(3.791.196.110)	5.460.319.878
Cộng	**15.805.054.859**	**12.669.271.012**	**(10.979.345.926)**	**17.494.979.945**

16. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

17. Lợi thế thương mại

	Nguyên giá	Số đã phân bổ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	193.878.013	-	193.878.013
Phân bổ trong năm	-	19.387.801	-
Số cuối năm	**193.878.013**	**19.387.801**	**174.490.212**

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng [a]	123.201.591.494	40.577.236.799
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.27)	7.548.860.000	21.482.000.000
Cộng	**130.750.451.494**	**62.059.236.799**

[a] Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: "Nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình, huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát" (Dự án I) theo Hợp đồng thế chấp số 01/1728454/HĐTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay kết chuyển trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	40.577.236.799	201.083.943.176		- (118.459.588.481)	123.201.591.494
Vay dài hạn đến hạn trả	21.482.000.000	-	7.548.860.000	(21.482.000.000)	7.548.860.000
Cộng	**62.059.236.799**	**201.083.943.176**	**7.548.860.000**	**(139.941.588.481)**	**130.750.451.494**

19. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp liên quan đến việc đầu tư mua sắm tài sản cố định	211.770.215.401	221.770.215.401
Các nhà cung cấp khác	175.215.671.562	166.633.605.645
Cộng	**376.985.886.963**	**388.403.821.046**

20. Người mua trả tiền trước

Khoản tiền đã thu của khách hàng theo tiến độ góp vốn xây dựng nhà ở tại các dự án mà Công ty đang đầu tư. Chi tiết:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án phố Thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	1.180.353.450	1.158.375.000
Dự án phố Thương mại IJC - Mỹ Phước 3	695.000.000	695.000.000
Dự án chung cư IJC Aroma	10.721.539.907	-
Dự án The Green River	151.137.500	171.362.500
Khách hàng trang trí nội thất	1.044.486.100	-
Khách hàng khác	625.288.657	541.189.200
Cộng	**18.560.655.614**	**2.565.926.700**

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	26.905.229	950.044.731	(737.187.802)	239.762.158
Thuế thu nhập doanh nghiệp	667.336.457	24.097.117.976	(14.475.143.540)	10.289.310.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(975.358.860)	(75.247.491)	(1.050.606.351)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản				
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(276.703.263)	1.499.370.296	(1.157.201.908)	65.465.125
Các loại thuế khác (*)	-	24.821.354	(25.821.354)	(1.000.000)
Cộng	**417.538.423**	**25.595.995.497**	**(16.470.602.095)**	**9.542.931.825**

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở khoản mục Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất — Không chịu thuế
- Các hoạt động khác — 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Theo hợp đồng B.O.T đã ký giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương và Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) và Công văn số 8900/CT-KTr1 ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động thu phí tuyến Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo. Như vậy:

- Đối với Dự án I từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát: có thu nhập chịu thuế từ năm 2002 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm thứ 08 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Đối với Dự án II từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rớt giáp ranh tỉnh Bình Phước: Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm thứ 02 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Công ty TNHH một thành viên IJC phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% cho các khoản thu nhập tính thuế trước ngày 01 tháng 7 năm 2013. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 Công ty con nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% do có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ VND theo hướng dẫn tại Thông tư 141/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	185.630.574.978	226.774.862.534
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	*3.945.841.664*	*591.194.778*
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	*(30.816.397.008)*	*(632.200.000)*

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập tính thuế	158.760.019.634	226.733.857.312
Trong đó		
- *Hoạt động kinh doanh thu phí (Dự án I)*	*65.219.512.517*	*64.381.438.046*
- *Hoạt động kinh doanh thu phí (Dự án II)*	*59.506.324.683*	*58.741.665.003*
- *Hoạt động kinh doanh khác*	*33.991.036.771*	*103.610.754.263*
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo dự tính	***39.690.004.909***	***56.683.464.328***
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Hợp đồng B.O.T	***(15.590.729.650)***	***(15.390.387.881)***
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm trước	-	***149.961.437***
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng khác thuế suất 25%	***(2.157.283)***	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	**24.097.117.976**	**41.443.037.884**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty mẹ phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 năm 2013 còn phải trả.

23. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước giá vốn chung cư IJC Aroma	99.884.562.587	117.103.959.727
Trích trước giá vốn xây dựng shop Aroma	20.782.773.142	20.782.773.142
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	66.474.922.535	62.529.804.462
Trích trước giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng khu biệt thự Sunflower	65.623.805.733	31.578.436.400
Chi phí lãi vay phải trả	4.603.488.323	5.454.330.329
Chi phí tiếp thị, môi giới	1.539.090.898	2.468.181.807
Trích trước giá vốn xây dựng nhà	155.360.002	41.590.911
Lãi chậm trả cổ tức cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	17.247.604.538	-
Chi phí khác	2.151.643.693	5.723.497.436
Cộng	**278.463.251.451**	**245.682.574.214**

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	271.596.467	288.738.098
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.189.108.690	23.981.185.284
Tiền bảo hành còn phải trả nhà cung cấp	908.212.466	2.542.584.223
Cổ tức phải trả	340.176.535.425	218.159.878.225
Tiền bảo dưỡng chung cư IJC Aroma	7.620.236.880	7.653.530.567
Tiền bảo dưỡng chung cư New Horizon	669.357.929	573.645.000
Phải trả doanh thu cho gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex	4.464.823.366	2.539.784.551
Phải trả tiền thu hộ nhà phố Prince Town – Công ty cổ phần dịch vụ tư vấn đầu tư	-	5.135.893.500
Phải trả tiền thu hộ căn hộ New Horizon – Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	632.115.900	2.407.231.370
Phải trả tiền thu hộ căn hộ Sunrise – Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	12.103.584.720	7.156.741.500
Phải trả tiền thu hộ thuê văn phòng Becamex Tower – Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	1.081.275.216	337.228.757
Thù lao Hội đồng quản trị	480.000.000	552.000.000
Các khoản phải trả khác	482.325.276	830.595.180
Cộng	**388.079.172.335**	**272.159.036.255**

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.667.658.167	420.650.770
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	5.507.796.253	10.034.869.447
Tăng khác	-	1.660.000
Chi quỹ trong năm	(6.181.028.604)	(8.789.522.050)
Số cuối năm	**994.425.816**	**1.667.658.167**

26. Phải trả dài hạn khác

Khoản tiền ký quỹ của khách hàng thuê gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex.

27. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng	24.512.577.135	4.548.860.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương[a]	-	*4.548.860.000*
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Bình Dương[b]	*24.512.577.135*	-
Trái phiếu [c]	500.000.000.000	500.000.000.000
Cộng	**524.512.577.135**	**504.548.860.000**

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để:

- Nhận lại nợ vay từ việc cổ phần hoá và chuyển Dự án BOT Quốc lộ 13 trực thuộc Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) thành Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật theo Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: "Nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 13 - tỉnh Bình Dương từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát" (Dự án I) theo Hợp đồng thế chấp số 04/83576/HĐ ngày 21 tháng 12 năm 2004.
- Đầu tư thực hiện dự án: Nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 13 tỉnh Bình Dương (Dự án 2 từ Km 28+000 đến km 65+355 dài 37,584 km, phần khối lượng dở dang còn lại sau IPO) theo Hợp đồng thế chấp số 01/1728454/HĐTC ngày 20 tháng 4 năm 2009.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền cải tạo (rải nhựa, nâng cấp, sửa chữa,...) mua sắm các trang thiết bị, thanh toán chi phí bố trí lại trạm thu phí nút giao thông Phú Long, thị xã Thuận An và các chi phí khác trên tuyến Quốc lộ 13. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại xã Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương với tổng diện tích 51.819,10 m2 theo hợp đồng thế chấp số 113TT13 ngày 25 tháng 7 năm 2013.

(b) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai các dự án đầu tư: Dự án Becamex City Center; Dự án Khu biệt thự Sunflower; Dự án Khu dân cư Green River; Dự án cao cấp IJC Aroma.

- Ngày phát hành : ngày 01 tháng 06 năm 2010.
- Ngày đáo hạn : ngày 01 tháng 06 năm 2015.
- Năm thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
- Lãi suất : năm tính lãi đầu tiên: 14,5%/năm; các năm tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 3,5%/năm.
- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản/quyền lợi hình thành có được từ dự án trên đất tại xã Đinh Hòa, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, thửa đất số 282.175 (O3-2), diện tích 102.733,9 m^2.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	31.061.437.135	7.548.860.000	24.512.577.135	-
Trái phiếu	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-
Cộng	**531.061.437.135**	**7.548.860.000**	**524.512.577.135**	**-**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	4.548.860.000	27.512.577.135	(7.548.860.000)	24.512.577.135
Trái phiếu	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000
Cộng	**504.548.860.000**	**27.512.577.135**	**(7.548.860.000)**	**524.512.577.135**

28. Doanh thu chưa thực hiện

Khoản tiền đã thu của khách hàng theo tiến độ góp vốn xây dựng nhà ở tại các dự án mà Công ty mẹ đang đầu tư. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu phố thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	26.629.840.914	25.373.840.914
Dự án đô thị Đông Đô Đại Phố	9.226.866.689	9.216.337.792
Dự án Prince Town	9.732.641.770	-
Khu chung cư cao cấp IIJ Aroma	21.309.568.427	78.994.788.963
Cộng	**66.898.917.800**	**113.584.967.669**

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.741.945.250.000	10.420.226.000	20.616.031.488	40.933.463.075	328.591.919.230	3.142.506.889.793
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	185.331.824.650	185.331.824.650
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	6.356.579.631	6.356.579.631	(22.748.028.709)	(10.034.869.447)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(301.613.977.500)	(301.613.977.500)
Số dư cuối năm trước	**2.741.945.250.000**	**10.420.226.000**	**26.972.611.119**	**47.290.042.706**	**189.561.737.671**	**3.016.189.867.496**
Số dư đầu năm nay	2.741.945.250.000	10.420.226.000	26.972.611.119	47.290.042.706	187.823.121.462	3.014.451.251.287
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	161.533.457.002	161.533.457.002
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	3.671.864.169	3.671.864.169	(12.851.524.591)	(5.507.796.253)
Chia cổ tức	-	-			(164.516.715.000)	(164.516.715.000
Số dư cuối năm	**2.741.945.250.000**	**10.420.226.000**	**30.644.475.288**	**50.961.906.875**	**173.726.955.082**	**3.007.698.813.245**

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	42.500.057.800	83.990.049.800
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	**42.500.057.800**	**83.990.049.800**

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	274.194.525	274.194.525
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	274.194.525	274.194.525
- *Cổ phiếu phổ thông*	*274.194.525*	*274.194.525*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	274.194.525	274.194.525
- *Cổ phiếu phổ thông*	*274.194.525*	*274.194.525*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	653.906.867.231	750.144.692.399
- *Doanh thu bán vé cầu đường*	*195.269.347.446*	*199.348.606.374*
- *Doanh thu xây dựng nhà*	*42.075.876.865*	-
- *Doanh thu kinh doanh bất động sản*	*368.614.032.384*	*531.289.626.576*
- *Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư*	*18.107.522.253*	*19.506.459.449*
- *Doanh thu cung cấp dịch vụ*	*25.580.097.655*	-
- *Doanh thu hàng hóa siêu thị*	*4.259.990.628*	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(38.754.140.451)	(137.984.717.488)
- *Giảm giá hàng bán*	*(27.272.727)*	-
- *Hàng bán bị trả lại* [(i)]	*(38.726.867.724)*	*(137.984.717.488)*
Doanh thu thuần	**615.152.726.780**	**612.159.974.911**
Trong đó:		
- *Doanh thu thuần bán vé cầu đường*	*195.269.347.446*	*199.348.606.374*
- *Doanh thu thuần xây dựng nhà*	*42.075.876.865*	-
- *Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản*	*329.859.891.933*	*393.304.909.088*
- *Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư*	*18.107.522.253*	*19.506.459.449*
- *Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ*	*25.580.097.655*	-
- *Doanh thu thuần hàng hóa siêu thị*	*4.259.990.628*	-

[(i)] Hàng bán trả lại chủ yếu là thanh lý hàng hóa bất động sản của khách hàng cũ (đã mua từ năm 2011) tại Công ty mẹ và Công ty mẹ đã bán lại một số hàng hóa bất động sản cho khách hàng mới với giá trị đã ghi nhận trong năm 2013 và năm 2012 cao hơn giá bán trong năm 2011 của dự án Khu đô thị Đông Đô Đại Phố, dự án The Green River và dự án IJC Aroma.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vé cầu đường	42.767.964.912	42.347.586.119
Giá vốn xây dựng nhà	36.921.203.810	-
Giá vốn kinh doanh bất động sản	228.693.223.427	210.549.410.602
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	19.152.774.942	19.371.806.678
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.593.523.521	-
Giá vốn của hàng hóa siêu thị đã tiêu thụ	3.701.841.580	-
Cộng	**352.830.532.192**	**272.268.803.399**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.254.916.839	7.678.716.506
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	152.021.054	620.016.075
Lợi nhuận được chia	30.000.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	107.927.815	-
Cộng	**33.514.865.708**	**8.298.732.581**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	29.175.289.243	36.714.133.618
Tiền lãi cổ tức chậm trả	17.247.604.538	-
Cộng	**46.422.893.781**	**36.714.133.618**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	16.481.543.556	15.889.687.120
Chi phí nguyên vật liệu	6.746.332.355	6.358.297.076
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	839.448.681	607.393.734
Chi phí khấu hao tài sản cố định	685.749.297	885.359.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.253.795.972	5.510.778.093
Chi phí khác	14.578.810.110	38.529.284.407
Cộng	**42.585.679.971**	**67.780.799.922**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.731.111.365	8.853.380.105
Chi phí nguyên vật liệu	582.308.753	490.604.976
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.174.039.133	1.810.522.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.016.212.561	639.624.388
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.633.299.142	1.790.468.019
Chi phí khác	2.816.789.428	4.711.172.759
Cộng	**19.953.760.382**	**18.295.772.811**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	63.636.364	-
Thu từ bồi thường	337.841.817	140.549.090
Thu từ thanh lý vật tư	32.727.273	1.441.659.843
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.925.365.784	540.500.000
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	150.415.223
Thu nhập khác	117.208.394	758.618.475
Cộng	**2.476.779.632**	**3.031.742.631**

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	7.936.508	-
Giá trị vật tư thanh lý	-	1.434.653.077
Chi phí hoa hồng của các căn hộ Aroma thanh lý	3.305.423.727	-
Chi phí vật tư sửa chữa các trụ đèn chiếu sáng bị hư hỏng	106.547.818	14.027.300
Chi phí nộp phạt do vi phạm hành chính	141.485.949	39.194.778
Chi phí khác	159.536.814	168.202.684
Cộng	**3.720.930.816**	**1.656.077.839**

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ	161.533.457.002	185.331.824.650
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	161.533.457.002	185.331.824.650
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	274.194.525	274.194.525
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**589**	**676**

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.918.634.109	15.349.807.040
Chi phí nhân công	36.758.110.717	30.702.164.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.420.938.982	29.198.645.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.936.895.451	26.972.028.630
Chi phí khác	18.773.785.489	45.694.411.131
Cộng	**151.808.364.748**	**147.917.056.967**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	201.770.215.401	221.770.215.401
Trả trước cho người bán liên quan đến việc đầu tư mua sắm tài sản cố định	-	306.504.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.018.824.000	1.118.944.342
Tiền thưởng	208.127.500	547.149.400
Cộng	**1.226.951.500**	**1.666.093.742**

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần SetiaBecamex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Ứng tiền đền bù giải tỏa và đầu tư xây dựng Dự án Becamex City Center	51.881.536.753	26.656.232.876
Mua 5 tầng văn phòng tòa nhà Becamex Center City	-	176.014.109.091
Tiền điện thắp sáng sử dụng tại 5 tầng tòa nhà Becamex Tower	11.210.928.300	4.676.876.277
Chuyển nhượng căn hộ chung cư IJC	-	52.361.040.752

	Năm nay	Năm trước
Cung cấp giàn phơi đồ và trang trí nội thất căn hộ IJC Aroma	3.082.244.545	6.960.320.588
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư ấp 5B Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B24-33') theo hợp đồng 403/HĐKT	-	28.677.131.098
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư ấp 5B Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B34-46) theo hợp đồng 404/HĐKT	-	62.978.072.109
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư ấp 4 Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu dân cư River Garden theo hợp đồng 405/HĐKT	-	93.859.078.500
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Phố TM IJC2 theo hợp đồng 344/HĐCN/2007	-	13.522.765.819
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Phố TM IJC2 theo hợp đồng 47/HĐKT/2008	-	8.471.395.726
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước xây dựng dự án Khu phố thương mại IJC theo hợp đồng 196/HĐKT	-	48.072.420.000
Chia cổ tức	129.639.603.600	237.672.606.600
Chia lợi nhuận dự án Becamex City Center	30.000.000.000	-
Lãi cổ tức phải trả	17.247.604.538	-
Tiền điện phải trả	1.068.125.520	-
Cung cấp dịch vụ ăn uống	1.791.548.899	75.072.727
Cung cấp vé máy bay	1.795.828.155	-
Cung cấp dịch vụ khách sạn	522.628.816	-
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư		
Thu tiền điện	40.856.200	23.133.000
Ứng tiền hợp tác kinh doanh dự án phát triển nhà ở độc lập Phố thương mại Prince Town	-	2.000.000.000
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô P6 dự án Prince Town (4.428,4 m2)	63.613.966.000	-
Giá trị xây dựng 45 căn nhà lô P6 dự án Prince Town	65.768.863.636	-
Chi phí quảng cáo lô P6 dự án Prince Town	809.994.319	-
Chi phí lắp đặt pano quảng cáo lô P6 dự án Prince Town	263.560.000	-
Cấn trừ khoản công nợ nhận chuyển nhượng QSDD với tiền góp vốn HTKD	60.000.000.000	-
Xây dựng Lô P6A nhà phố Prince Town	42.075.876.865	-
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Mua vật liệu xây dựng	404.406.446	2.479.134.601

	Năm nay	Năm trước
Cung cấp dịch vụ ăn uống	74.223.141	-
Cung cấp vé máy bay	200.000	-
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex		
Mua vật liệu xây dựng	95.804.000	84.935.273
Công ty cổ phần phát triển đô thị		
Mua vật liệu xây dựng	636.714.477	167.924.500
Cung cấp dịch vụ	198.621.653	11.893.636
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Mua vật liệu xây dựng	234.226.411	-
Công ty cổ phần SetiaBecamex		
Bán vé cầu đường	55.636.364	72.000.005
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ ăn uống	35.412.727	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Phải thu tiền mua căn hộ chung cư IJC Aroma theo HĐ 078/IJC-AROMA-A/2011	50.782.617.000	54.914.600.000
Phải thu từ ứng trước tiền đền bù giải tỏa và đầu tư xây dựng Dự án Becamex City Center	440.122.940.486	418.241.403.733
Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ Dự án Becamex City Center - Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp -TNHH một thành viên	30.000.000.000	-
Phải thu tiền cung cấp giàn phơi đồ và trang trí nội thất căn hộ IJC Aroma	358.442.278	3.222.137.853
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ ăn uống	651.926.000	54.101.000
Phải thu tiền vé máy bay	705.224.500	
Phải thu tiền khách sạn	143.750.600	
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư		
Phải thu tiền xây dựng dự án Prince Town	-	8.522.021.218
Phải thu ứng tiền hợp tác kinh doanh dự án phát triển nhà ở độc lập Phố thương mại Prince Town	-	60.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản		
Phải thu từ thiết kế và thi công xây dựng Khu phố Phú An	4.112.500.000	4.112.500.000
Cộng nợ phải thu	**526.877.400.864**	**549.066.763.804**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Phải trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư ấp 5B Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B24-33') theo hợp đồng 403/HĐKT	29.314.692.000	29.314.692.000
Phải trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư ấp 4 Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu dân cư River Garden theo hợp đồng 405/HDKT	93.859.078.500	93.859.078.500
Phải trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp và dân cư Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B18-19, 5B22-23, 5B30-31)	5.879.472.600	5.879.472.600
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng 5 tầng Becamex Tower theo hợp đồng 01/IDC-BT/2010	192.234.897.479	192.234.897.479
Phải trả tiền điện thắp sáng 5 tầng tòa nhà Becamex Tower	12.300.256.826	5.144.563.905
Phải trả tiền quyết toán khối lượng thi công hệ thống thoát nước QL13-HĐ 413/2007QL13	25.040.872.374	45.040.872.374
Phải trả tiền thu hộ căn hộ New Horizon	632.115.900	2.407.231.370
Phải trả tiền thu hộ căn hộ Sunrise	12.103.584.720	7.156.741.500
Phải trả tiền thu hộ thuê văn phòng Becamex Tower	1.081.275.216	337.228.757
Cổ tức phải trả	339.700.786.200	217.561.182.600
Lãi cổ tức phải trả	17.247.604.538	-
Tiền điện phải trả	534.430.512	-
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư		
Phải trả giá trị xây dựng 45 căn nhà lô P6 dự án Prince Town	7.052.190.877	-
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Mua vật liệu xây dựng	-	1.308.450
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex		
Mua nguyên vật liệu	96.276.400	5.313.000
Công ty cổ phần phát triển đô thị		
Mua nguyên vật liệu	492.069.990	-
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	257.649.053	-
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng bất động sản-Dự án City Garden	688.995.000	688.995.000
Cộng nợ phải trả	**738.516.248.185**	**599.631.577.535**

2. Chi phí lãi vay vốn hoá

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá	43.680.423.540	64.163.658.583
Tổng chi phí lãi vay	**72.725.904.324**	**100.877.792.201**
Tỷ lệ vốn hóa	**60%**	**64%**

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của Tập đoàn. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Tập đoàn.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán vé cầu đường: bán vé thu phí Quốc lộ 13.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư: dịch vụ cho thuê gian hàng trong trung tâm thương mại Becamex tower.
- Lĩnh vực khác: xây dựng nhà, nhà hàng, khách sạn, vé máy bay, siêu thị.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong năm của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục đính kèm từ trang 47 đến trang 49.

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là hoạt động tại địa bàn tỉnh Bình Dương.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.758.596.430	2.129.889.090
Trên 01 năm đến 05 năm	1.241.481.150	2.714.524.680
Cộng	**3.000.077.580**	**4.844.413.770**

Tập đoàn thuê mặt bằng kinh doanh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ 02 năm đến 06 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê hàng năm được quy định trong hợp đồng.

5. Số liệu so sánh

Năm nay Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật đã điều chỉnh theo số liệu Kiểm toán nhà nước năm 2012 liên quan đến khấu hao 05 tầng tòa nhà Becamex Tower và phân bổ thuế giá trị gia tăng theo tỷ lệ được khấu trừ.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2012	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19.447.309.751	(1.740.309.055)	17.707.000.696
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	277.133.263	277.133.263
Giá trị hao mòn lũy kế Tài sản cố định hữu hình	223	(192.796.120.972)	511.360.000	(192.284.760.972)
Giá trị hao mòn lũy kế Bất động sản đầu tư	242	(3.547.104.000)	3.547.104.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	227.710.970	466.960.716	694.671.686
Phải trả người lao động	315	2.308.823.075	111.578.020	2.420.401.095
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	271.880.902.992	278.133.263	272.159.036.255
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	187.823.121.462	1.738.616.209	189.561.737.671
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Gía vốn hàng bán	11	275.815.907.399	(3.547.104.000)	272.268.803.399
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17.066.823.756	1.228.949.055	18.295.772.811
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	40.863.499.148	579.538.736	41.443.037.884
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	183.593.208.441	1.738.616.209	185.331.824.650
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Lợi nhuận trước thuế	01	224.456.707.589	2.318.154.945	226.774.862.534
Khấu hao tài sản cố định	02	33.257.109.612	(4.058.464.000)	29.198.645.612
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	170.060.971.989	1.463.175.792	171.524.147.781
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	142.952.259.274	277.133.262	143.229.392.536

6. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng quản lý tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng
Các Công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.7 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.582.895.291	-	-	-	45.582.895.291
Phải thu khách hàng	678.433.119.113	-	132.417.050.513	-	810.850.169.626
Các khoản phải thu khác	472.399.266.121	-	-	-	472.399.266.121
Cộng	**1.196.415.280.525**	**-**	**132.417.050.513**	**-**	**1.328.832.331.038**
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.195.397.023	-	-	-	75.195.397.023
Phải thu khách hàng	516.904.051.990	-	126.583.101.036	-	643.487.153.026
Các khoản phải thu khác	485.393.406.591	-	-	-	485.393.406.591
Cộng	**1.077.492.855.604**	**-**	**126.583.101.036**	**-**	**1.204.075.956.640**

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 06 tháng	38.506.601.121	66.642.928.826
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	22.882.479.099	15.991.760.325
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	41.242.267.893	35.753.709.485
Quá hạn trên 02 năm đến trên 03 năm	29.785.702.400	8.194.702.400
Cộng	**132.417.050.513**	**126.583.101.036**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các Công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	196.311.399.888	564.067.597.646	-	760.378.997.534
Phải trả người bán	376.985.886.963	-	-	376.985.886.963
Các khoản phải trả khác	666.270.827.319	2.564.226.000	-	668.835.053.319
Cộng	**1.239.568.114.170**	**566.631.823.646**	-	**1.806.199.937.816**
Số đầu năm				
Vay và nợ	73.755.009.951	604.617.717.233	-	678.372.727.184
Phải trả người bán	388.403.821.046	-	-	388.403.821.046
Các khoản phải trả khác	517.563.477.206	2.729.205.884	-	520.292.683.090
Cộng	**979.722.308.203**	**607.346.923.117**	-	**1.587.069.231.320**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn là rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật.

Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	(655.263.028.629)	(566.608.096.799)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	**(655.263.028.629)**	**(566.608.096.799)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 9.828.945.429 VND (năm trước giảm/tăng 8.499.121.452 VND).

Tài sản đảm bảo
Tập đoàn không có tài sản thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

7. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.582.895.291	-	75.195.397.023	-	45.582.895.291	75.195.397.023
Phải thu khách hàng	810.850.169.626	-	643.487.153.026	-	716.437.386.973	545.286.152.335
Các khoản phải thu khác	472.399.266.121	-	485.393.406.591	-	472.399.266.121	485.393.406.591
Cộng	**1.328.832.331.038**	**-**	**1.204.075.956.640**	**-**	**1.234.419.548.385**	**1.105.874.955.949**

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	655.263.028.629	566.608.096.799	655.263.028.629	566.608.096.799
Phải trả người bán	376.985.886.963	388.403.821.046	376.985.886.963	388.403.821.046
Các khoản phải trả khác	668.835.053.319	520.292.683.090	668.835.053.319	520.292.683.090
Cộng	**1.701.083.968.911**	**1.475.304.600.935**	**1.701.083.968.911**	**1.475.304.600.935**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Bình Dương, ngày 09 tháng 3 năm 2014

Bùi Thị Thùy	Trịnh Thanh Hùng	Đỗ Quang Ngôn
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về k t kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác a bộ phận theo nh vực kinh doanh a Tập đoàn:

	Bán vé cầu đường	Kinh doanh bất động sản	Kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	195.269.347.446	329.859.891.933	18.107.522.253	71.915.965.148	-	615.152.726.780
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***195.269.347.446***	***329.859.891.933***	***18.107.522.253***	***71.915.965.148***	-	***615.152.726.780***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	125.002.296.484	47.450.624.723	(2.935.884.903)	4.361.766.366	-	173.878.802.670
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						173.878.802.670
Doanh thu hoạt động tài chính						33.514.865.708
Chi phí tài chính						(20.518.942.216)
Thu nhập khác						2.476.779.632
Chi phí khác						(3.720.930.816)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(24.097.117.976)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						***161.533.457.002***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	***26.767.007.954***	***1.589.455.637***	***414.406.372***	***41.667.044.042***	-	***70.437.914.005***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	***31.666.124.763***	***6.290.893.471***	***3.790.255.141***	***4.653.011.533***	-	***46.400.284.908***
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Bán vé cầu đường	Kinh doanh bất động sản	Kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	199.348.606.374	393.304.909.088	19.506.459.449	-	-	612.159.974.911
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***199.348.606.374***	***393.304.909.088***	***19.506.459.449***	-	-	***612.159.974.911***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	140.947.452.472	131.827.584.570	(664.665.452)	-	-	272.110.371.590
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(18.295.772.811)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						253.814.598.779
Doanh thu hoạt động tài chính						8.298.732.581
Chi phí tài chính						(36.714.133.618)
Thu nhập khác						3.031.742.631
Chi phí khác						(1.656.077.839)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(41.443.037.884)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						***185.331.824.650***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	***19.748.472.791***	***18.855.023.071***	***178.460.809.147***	***466.589.188***	-	***217.530.894.197***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	***33.722.566.258***	***3.746.464.114***	***230.201.720***	-	-	***37.699.232.092***
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

Bình Dương, ngày 09 tháng 3 năm 2014

Bùi Thị Thủy	Trịnh Thanh Hùng	Đỗ Quang Ngôn
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Bán vé cầu đường	Kinh doanh bất động sản	Kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	584.055.178.275	3.391.394.771.190	197.462.614.875	525.170.249.947	-	4.698.082.814.287
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						109.773.464.688
Tổng tài sản						***4.807.856.278.975***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	32.061.437.135	730.254.395.718	137.381.005.439	374.628.380.119	-	1.274.325.218.411
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						525.832.247.319
Tổng nợ phải trả						***1.800.157.465.730***
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	603.976.941.472	3.206.366.161.228	177.379.031.354	484.379.532.743	-	4.472.101.666.797
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						140.604.560.214
Tổng tài sản						***4.612.706.227.011***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	54.038.076.974	1.001.278.183.758	158.193.839.976	338.292.022	-	1.213.848.392.730
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						382.667.966.785
Tổng nợ phải trả						***1.596.516.359.515***

Bình Dương, ngày 09 tháng 3 năm 2014

Bùi Thị Thùy	**Trịnh Thanh Hùng**	**Đỗ Quang Ngôn**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**


Chass
QUARTZ

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 28 tháng 4 năm 2014

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2006;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật được thông qua ngày 25/06/2007 và được sửa đổi bổ sung lần thứ bảy theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông ngày 18/04/2013;*
- *Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ngày 28/04/2014.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013, Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban kiểm soát và Phân phối lợi nhuận năm 2013 (tài liệu đính kèm)

Các chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động:

Tổng doanh thu: 651 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế: 185,6 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế: 161,5 tỷ đồng
Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 589 đồng.

Phân phối lợi nhuận năm 2013 và thông qua mức cổ tức:

Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2013 trình ĐHĐCĐ phê duyệt như sau:

Lợi nhuận chưa phân phối năm 2012:	12.193.498.080 đồng
Lợi nhuận sau thuế năm 2013:	161.533.457.002 đồng
Phân phối lợi nhuận của năm 2013:	
Quỹ đầu tư phát triển	0 đồng
Quỹ dự phòng tài chính	0 đồng
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.821.057.938 đồng
Chia cổ tức(6%/VĐL)	164.516.715.000 đồng
Lợi nhuận chưa phân phối	3.557.656.407 đồng

Thời gian chi trả cổ tức của năm 2013: Tháng 07 năm 2014

- **Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ..... %**
- **Tỷ lệ biểu quyết không tán thành.....%**
- **Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến.....%**

Điều 2: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2014 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2014

a. Kế hoạch kinh doanh năm 2014:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.312 tỷ đồng tăng 109% so với năm 2013
Lợi nhuận trước thuế: 386 tỷ đồng tăng 109% so với năm 2013
Lợi nhuận sau thuế: 306 tỷ đồng tăng 90% so với năm 2013

b. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2014

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, trích lập các quỹ như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển	2% lợi nhuận sau thuế
Trích quỹ dự phòng tài chính	2% lợi nhuận sau thuế
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3% lợi nhuận sau thuế
Tỷ lệ chi trả cổ tức	8%/VĐL

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2014 và uỷ quyền cho HĐQT quyết định thời gian chi trả phù hợp và thực hiện các thủ tục chi trả cổ tức cho năm 2014 theo đúng quy định hiện hành như sau:

- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 8%/VĐL
- Hình thức chi trả bằng tiền mặt.

➢ **Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ..... %**
➢ **Tỷ lệ biểu quyết không tán thành.....%**
➢ **Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến.....%**

Điều 3: Chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2013 và Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2014

a. Chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2013:

Chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2013 là 480.000.000 đồng (bằng 0,3% x LNST năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013)

b. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2014:

Thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2014: 0,3% x LNST năm 2014 và uỷ quyền cho HĐQT quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty.

➢ **Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ..... %**
➢ **Tỷ lệ biểu quyết không tán thành.....%**
➢ **Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến.....%**

Điều 4: Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2014 và soát xét BCTC bán niên năm 2014

Thông qua việc ĐHĐCĐ uỷ quyền cho Ban kiểm soát xem xét, đánh giá và lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2014 và soát xét BCTC bán niên năm 2014 của Công ty từ các Công ty kiểm toán thuộc danh sách các Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Uỷ ban Chứng khoán nhà nước công bố hằng năm.

- **Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ..... %**
- **Tỷ lệ biểu quyết không tán thành.....%**
- **Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến.....%**

Điều 5: Phê chuẩn thay thế thành viên Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Hùng làm thành viên HĐQT thay thế cho Bà Nguyễn Thị Dung trong nhiệm kỳ 2012 – 2017

- **Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ..... %**
- **Tỷ lệ biểu quyết không tán thành.....%**
- **Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến.....%**

Điều 6: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật theo nội dung tờ trình số 05/2014/TTr-HĐQT ngày 28/04 /2014 (đính kèm theo tài liệu) và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo đúng quy định hiện hành.

- **Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ..... %**
- **Tỷ lệ biểu quyết không tán thành.....%**
- **Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến.....%**

Điều 7: Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2012 – 2017) của Công ty là 2 thành viên gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1		
2		

- **Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ..... %**
- **Tỷ lệ biểu quyết không tán thành.....%**
- **Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến.....%**

Điều 8: Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2012 – 2017) của Công ty là 01 thành viên gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1		

- **Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ..... %**
- **Tỷ lệ biểu quyết không tán thành.....%**
- **Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến.....%**

Điều 9: Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 một cách triệt để và hiệu quả theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.

Điều 10: Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ dông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN VĂN HÙNG

Nơi nhận:
- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS Công ty
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
Tầng 5, Tòa Nhà Becamex Tower, Số 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. TDM, Bình Dương
Website: www.becamexijc.com - Email: info@becamexijc.com
ĐT: (0650) 3848 789 - Fax: (0650) 3848 678